

JULES VERNE

20.000 DẠM DƯỚI ĐÀY BIỂN

(20.000 LIEUES SOUS LES MERS)

2

NHÀ XUẤT-BẢN SONG MƠI

Bản dịch của
NGUYỄN - QUÂN

20.000 dặm dưới đáy biển

Jules Verne

Bản dịch của
Nguyễn Quân

**20.000 dặm
dưới đáy biển
(tập 2)**

Jules Verne
Bản dịch của Nguyễn Quân

Bìa: NXB Sống Mới
Nguồn: Internet
Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**20.000 dặm
dưới đáy biển**

JULES VERNE
Bản dịch của Nguyễn Quân

Nhà xuất bản **Sống Mới**
30b Phạm Ngũ Lão – Saigon
1962

MỤC LỤC

13. Chương 13	10
Một vài con số	
14. Chương 14	26
Dòng sông Hắc Giang	
15. Chương 15	60
Một bức thư mời	
16. Chương 16	82
Cuộc du lịch trên đồi	
17. Chương 17	97
Khu rừng dưới đáy biển	

18. Chương 18	112
Bốn nghìn dặm dưới mặt nước	
Thái Bình dương	
19. Chương 19	132
Hoa Nhĩ Lộ (Vanikoro)	
20. Chương 20	150
Eo biển “tọt” (Torres)	
21. Chương 21	169
Vài ngày trên mặt đất	
22. Chương 22	194
Luồng sét của	
thuyền trưởng Nam Mô	
23. Chương 23	222
Việc bất ngờ	

CHƯƠNG 13

MỘT VÀI CON SỐ

Sau đó vài phút, chúng tôi ngồi trên tấm đi văng trong phòng khách, miệng mỗi người ngậm một điếu thuốc. Thuyền trưởng trải ra trước mặt tôi một tấm họa đồ vẽ các bộ phận và hình dạng của con tàu Nam Tị Lũy. Đoạn, ông ta nói:

– Đây, ông Long Đắc ạ! Khuôn khổ của chiếc tàu ngầm của chúng ta cấu tạo

theo lược đồ này. Nó là một hình ống dài, hai đầu nhọn. Kiểu này tại Luân đôn hiện nay cũng có nhiều. Song, khác với những chiếc tàu thường, con tàu Nam Tị Lũy dài đến bảy mươi thước, và rộng đến tám thước. Hai đầu nhọn ngậm dưới nước để có thể rẽ sóng một cách lanh lẹ và tránh được sự cản trở của sức nước trong lúc đi.

Với tầm thước ấy, chúng ta có thể tính được bề mặt và thể tích của con tàu. Bề mặt của nó có một ngàn mười một thước vuông bốn mươi phần trăm; thể tích gồm có một ngàn năm trăm thước khối và hai phần mười.

Lúc dự tính làm con tàu này, tôi đã có ý định làm con tàu ngầm, Nên tạo cho con tàu có một trọng lượng cân đối với trọng lượng của nước, để cho con tàu có thể chìm xuống dưới nước chín phần

mười và chỉ nổi lên trên mặt nước một phần mười mà thôi.

Con tàu Nam Tị Lũy gồm có hai lớp vỏ làm bằng thép mỏng cách ở giữa một khoảng trống. Lớp vỏ ngoài dày năm phân, và cân nặng chín mươi bốn tấn chín mươi sáu phần trăm, lớp vỏ trong cân nặng sáu mươi hai tấn, cộng thêm máy móc và các vật dụng trên tàu gồm tất cả là một ngàn ba trăm năm mươi sáu tấn bốn mươi tám phần trăm ông nghe đã rõ chưa?

Tôi đáp:

– Vâng, thưa ông tôi đang chú ý.

Thuyền trưởng nói tiếp:

– Với sức nặng đó, con tàu Nam. Tị Lũy nổi lên trên mặt sóng một phần mười. Nếu tôi cho vào giữa hai lớp vỏ

một sức chứa nặng bằng một phần mười nữa, thì tự nhiên con tàu chìm xuống. Đây, ông thấy chưa! Trên tàu tôi hiện có những vò nước chính là để sử dụng về việc đó.

– Được thưa Thuyền trưởng, bây giờ tôi đã rõ phương pháp làm cho con tàu này lặn xuống, hoặc nổi lên, song tôi lấy làm lạ chẳng hiểu tại sao lúc con tàu lặn xuống lại không bị sức ép của nước biển, cứ mỗi phân vuông của con tàu phải chịu đến một ki lô gam sức nặng?

Thuyền trưởng Nam Mộ mỉm cười, đáp:

– Ông Giáo sư ạ! Ông Nên phân biệt giữa tĩnh học và động học. Không khéo ông lại bị lầm lẫn như mọi người khác. Từ xưa nay rất ít người chịu bỏ công ra để nghiên cứu những thực tại dưới đáy

biển. Ông cứ bình tĩnh nghe tôi phân tách đây.

– Vâng, thưa Thuyền trưởng, tôi xin nghe.

– Sau khi nghiên cứu kỹ càng về trọng lượng con tàu Nam Tị Lũy, để có thể lặn xuống nước, tôi cũng rất phân vân về sức ép của nước biển, cứ càng lặn sâu xuống thì càng bị khối nước biển đè nặng thêm.

– Thưa Thuyền trưởng đúng vậy!

– Nhưng thực ra, sức ép của nước biển rất ít, không phải như chúng ta nghĩ. Theo con số thực tại con tàu của tôi có thể lặn sâu xuống một ngàn thước nước.

– Thực thế sao?

– Thực vậy. Và trên con tàu tôi có

những hầm chứa nước nặng hàng trăm tấn, do đó, tôi có thể cho con tàu lặn xuống một chiều sâu đáng kể. Lúc nào muốn nổi lên mặt nước, tôi chỉ cần đưa nước ra ngoài các hầm chứa ấy là xong,

Lời giải thích của Thuyền trưởng không làm cho tôi nghi ngờ gì nữa. Vì, thực tế con tàu Nam Tị Lũy của ông ta đã chứng minh lý lẽ ấy rồi. Tôi nói:

– Tôi nhìn nhận lời nói của ông là đúng. Song tôi còn một thắc mắc này.

– Xin ông cứ nói.

– Lúc ông cho con tàu lặn sâu quá một ngàn thước làm thế nào ông có thể cho con tàu nổi lên cùng một lúc để thoát khỏi sức ép của nước biển, khi các hầm chứa nước đã bị trống rỗng.

– Ông ạ! Điều đó không khó gì. Điện

lực đã giúp tôi thành công trên phương diện ấy. Vả lại những hầm chứa nước tôi dùng trong tàu, chẳng những để cho con tàu có thể lặn dưới hai ngàn thước nước, mà còn dùng để điều hòa máy móc nữa. Vì vậy, khi con tàu phải lặn xuống hai ba dặm dưới mặt nước, hoặc phải chạy hàng mấy ngàn hải lý, máy móc vẫn không yếu đi tí nào,

Tôi hỏi:

– Thưa ông, ông làm cách nào vậy?

– Điều này, nếu muốn cho ông hiểu, tôi phải chỉ dẫn lối sử dụng máy móc đã.

– Vâng, thưa ông tôi sẵn sàng xin ông chỉ dẫn cho.

– Muốn lái con tàu chạy ngang, chạy dọc, hoặc bất cứ xoay đổi một chiều hướng nào, tôi chỉ dùng một chiếc bánh

lái rất lớn, gắn ở đằng sau tàu, vì một bánh xe điều khiển thôi. Ngược lại đây nếu muốn cho con tàu từ trên mặt nước lặn xuống đáy bể, hoặc từ bể nổi lên mặt nước, tôi chỉ dùng hai tấm ván bắt nghiêng trên hai thành tàu. Hai tấm ván này có thể cử động và xoay đủ chiều. Ông Nê-đê-ý, hai tấm ván này luôn luôn phải nghiêng vì có như thế, khi cánh chong chóng quạt nước đẩy con tàu đi, tự nhiên nhờ hai tấm ván nghiêng ấy mà con tàu lặn xuống được. Ngược lại khi muốn nổi lên trên mặt nước, các hầm chứa nước trống rỗng, con tàu nhẹ như một quả bóng nổi bồng lên, thì cũng nhờ hai tấm ván nghiêng ấy mới điều khiển con tàu được.

Tôi khoái chí, reo to:

– Hoan hô Thuyền trưởng! Nhưng thưa Thuyền trưởng, làm sao người cầm

lái biết đường mà điều khiển con tàu theo ý muốn của Thuyền trưởng khi ở giữa một khối nước khổng lồ như vậy?

– Người cầm lái ngồi trong một phòng bằng kính, ở ngay trên vỏ con tàu này.

– Như vậy loại kính này có thể chịu nổi sức ép của bên ngoài sao?

– Vâng, đó là một loại thủy tinh dễ bể, nhưng chịu đựng được các sức nặng rất tốt. Trong các cuộc đánh cá vào năm 1864 người ta đã thí nghiệm được vật này ở vùng Nam Hải. Một miếng kính dày bảy ly, có thể chịu nổi mười sáu lần sức ép của khí trời. Còn những loại kính tôi đang dùng trên con tàu này dày đến hai mươi một phân, nghĩa là gấp ba mươi lần hơn.

– Vâng, tôi hiểu rồi. Nhưng, thưa Thuyền trưởng, trong nước biển tối ngòm kia, tôi thiết tưởng cần phải có ánh sáng mới trông thấy rõ được mọi vật...

– Đúng vậy! Đằng sau con tàu tôi có gắn một máy phát điện có thể chiếu sáng nửa dặm trong nước biển.

–Ồ! Hay quá nhỉ! Tôi thành thật hoan nghênh tài năng của Thuyền trưởng. Bây giờ tôi mới hiểu chính luồng ánh sáng chói lòa ấy đã làm sôi nổi dư luận trên khắp địa lục. Nhân tiện, tôi xin hỏi Thuyền trưởng cuộc đụng độ vừa rồi giữa con tàu Nam Tị Lũy và con tàu Cô Ta là một việc vô tình hay cố ý?

– Chỉ là một việc ngẫu nhiên thôi, ông ạ! Lúc đó tôi đang cho con tàu của tôi lặn khỏi mặt nước hai thước thì bỗng nghe tiếng đụng. Vả lại, tôi có xem kỹ,

việc đụng chạm ấy không gây thiệt hại gì nặng.

– Đúng vậy không có gì nặng lắm. Nhưng đối với con tàu Lanh Công thì Thuyền trưởng cũng cho là sự gặp gỡ ngẫu nhiên ư?

– Không. Con tàu Lanh Công thì lại là một chuyện khác. Tôi rất bức tức cho con tàu ấy. Vì, chính con tàu ấy đã săn đuổi chúng tôi, và chúng tôi chỉ có tự vệ thôi.

Tôi nói:

– Thưa Thuyền trưởng, kể ra con tàu Lanh Công cũng khá tốt đấy chứ?

Thuyền trưởng Nam Mộ mơ màng đáp:

– Phải. Nó là một trong những loại

tàu tốt nhất của người Mỹ đương thời. Tuy nhiên, nếu có một cuộc đụng chạm nào trên mặt biển, chúng tôi không bao giờ lo lắng cho con tàu của chúng tôi. Vì, con tàu này vỏ đôi, bằng thép mỏng, khó mà lủng nổi. Vả lại, nó còn có những cái đặc biệt là không cần buồm, không cần gió, không cần có nồi hơi nước, không sợ sức mạnh của hơi nước làm vỡ tung nồi hơi, không sợ cháy, vì máy móc làm toàn bằng sắt chứ không có một bộ phận nào bằng gỗ cả; không sợ thiếu than, vì nó chạy bằng điện; không sợ đụng chạm với ai, vì nó tự do một mình chạy ngầm dưới mặt biển. Đó ông thấy những cái đặc điểm như vậy thì thử hỏi có một ai tiêu diệt nó nổi. Đến như những cơn phong ba của vũ trụ, con tàu Nam Tị Lũy vẫn không nao núng vì đông tố không nổi lên dưới đáy biển được. Về phần điều khiển trên con tàu thì lại còn tiện lợi hơn

nữa, vì người chủ tàu, lái tàu và kỹ sư là một.

Thuyền trưởng Nam Mộ nói một hơi dài những cái gì say sưa thích thú, đôi mắt ông ta sáng quắc. Phải, ông ta yêu con tàu như một người cha yêu một đứa con vậy.

Lòng tò mò không nén được, tôi buột miệng hỏi:

– Thưa Thuyền trưởng, thế thì ông là một viên kỹ sư?

Ông ta không dự dự đáp:

– Phải trước kia tôi có học ở Luân đôn, Ba lê và Nữu ước, thời gian mà tôi còn sống trên đất liền.

– Nhưng ông làm sao lại có thể bí mật đóng con tàu này mà không một ai hay biết gì cả?

– Ông Long Đắc ạ! Ông ngạc nhiên cũng phải. Song mỗi bộ phận của con tàu này tôi tạo ra ở mỗi xứ riêng biệt, dưới một sự trá hình để cho mọi người không để ý.

– Nhưng mỗi bộ phận làm xong ít ra cũng còn phải ráp lại. Thế ông đã bố trí bằng cách nào?

– Tôi dựng lên một cơ xưởng nơi một hoang đảo, bốn bề là biển khơi. Tôi cùng với các thợ thuyền, hay nói rõ hơn những người trong đoàn của chúng tôi hiện tại, đã chung sức hoàn thành con tàu này. Khi làm xong tôi dùng lửa thủ tiêu mọi vết tích trên hoang đảo.

– Tôi không thể tưởng tượng được số tiền tổn phí cho con tàu này?

– Đóng một con tàu thường ít ra

cũng tốn kém đến một ngàn một trăm phát-lăng, còn con tàu Nam Tị Lũy không dưới năm triệu.

– Tôi xin hỏi ông một câu cuối cùng.

– Được, ông cứ nói.

– Ông giàu lắm sao?

– Giàu vô tận. Tôi có thể trả cho nước Pháp của ông mười hai tỷ bạc mà vẫn không phải lo lắng tý nào.

Tôi chăm chú nhìn vào mặt Thuyền trưởng Nam Mộ, không rõ con người bí hiểm hiện đứng trước mặt tôi ấy là ai! Chẳng biết sự thật như thế hay ông ta đã lừa tôi?

Ôi! chỉ có thời gian mới trả lời được.

CHƯƠNG 14

DÒNG SÔNG HẮC GIANG (LE FLEUVE NOIR)

Trên mặt địa cầu, biển chiếm đến ba mươi tám ngàn ba trăm hai mươi triệu năm trăm tám mươi ngàn thước vuông. Trong khối nước ấy gồm có hai tỷ hai trăm năm mươi triệu thước khối. Nếu hợp thành hình quả cầu thì nó sẽ có một đường kính sáu mươi dặm, và sức nặng ba triệu tỷ tấn.

Ồ! Với khối nước khổng lồ này tính ra còn hơn số nước của các dòng sông trên mặt quả đất phải chảy đến bốn chục ngàn năm.

Trong thời kỳ khai thiên, lập địa, mặt biển tiếp liền nhau. Qua một thời gian sau, những đỉnh núi xuất hiện, những hòn cù lao lần lượt nổi lên, vì cũng có hòn biến đi, dần dần tạo thành giải đất liền như chúng ta đang thấy. Giải đất liền mọc lên giữa khối nước, chiếm ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bảy dặm vuông trên mặt địa cầu, tức là mười hai ngàn chín trăm mười sáu triệu sào. Giải đất liền lại ngăn cách mặt biển ra làm năm phần: Bắc băng dương, Nam băng dương, Ấn độ dương, Đại tây dương và Thái bình dương.

Thái bình dương chạy dài từ bắc chí nam, giữa hai vòng tròn ở cực, và từ

đông sang tây giữa châu Á và châu Mỹ rộng đến một trăm bốn mươi lăm độ kinh tuyến. Đó là một mặt bể êm đềm nhút, dòng hải lưu rộng và ôn hòa; dòng thủy triều bình thản, không ào ạt, như các biển khác. Và đó cũng là nơi mà vận mạng đã khiến xui tôi phải gặp cảnh sống bất ngờ này.

Thuyền trưởng Nam Mộ quay lại nhìn tôi nói:

– Ông Long Đắc! Nếu ông muốn tôi sẽ thực hành ngay để ông thấy lối điều khiển của con tàu này. Bây giờ là mười hai giờ thiếu mười lăm phút, tôi sẽ cho con tàu chúng ta nổi lên trên mặt sóng.

Nói xong, ông ta nhận cái nút điện ba lần, tức thì các vòi nước ở hầm chứa nước bắt đầu phụt nước ra. Đồng hồ áp lực kế lần lượt chỉ sức ép khác nhau của

từng lớp nước, và cuối cùng dừng lại.

Thuyền trưởng nói:

– Chúng ta đã đến mặt biển rồi đấy.

Tôi vội vàng bước vào căn phòng có thang sắt ăn thông lên trên tàu, và leo lên. Qua một khung cửa trống, tôi đã đứng hẳn ở ngoài sân tàu.

Đưa mắt xem xét, tôi nhận từ hình dáng con tàu dài thườn thượt, và tàu làm bằng thép mỏng nổi lên những miếng vảy như da các loài bò sát trên mặt đất. Hình dáng ấy dù có loại viễn vọng kính tốt đến đâu cũng phải lầm là một con vật ở biển.

Chính giữa sườn tàu, gắn dính vào đấy một chiếc ca-nô, nổi lên như một cục u. Hai đầu tàu có hai phòng nhỏ, đóng kín bằng loại kiếng dày, bề cao cân

đối, một phòng dùng làm chỗ cho người cầm lái điều khiển con tàu, một phòng dùng làm nơi chứa những máy móc phát ra ánh sáng điện để rọi đường đi dưới nước.

Mặt biển phẳng lặng. Trời trong vắt. Gió đông thổi nhẹ, vài gợn sóng lăn tăn. Chân trời không có một ánh sương mù, bốn bề mặt nước giáp với chân trời xanh biếc. Chúng tôi không trông thấy gì cả. Không một vật gì ngoi lên trên mặt biển. Không có một hải đảo nào, cũng không thấy con tàu Lanh Công đâu nữa. Thật là một bãi sa mạc mênh mông vô tận. Thuyền trưởng Nam Mộ cầm kính lục phân đứng ngắm mặt trời. Qua một thời gian yên lặng, ông ta gọi tôi nói:

– Đúng mười hai giờ trưa rồi, ông Long Đắc ạ! Ông có nhận ra được thời gian không?

Tôi đưa mắt nhìn qua mặt biển một lần nữa về phía giáp liền với Nhựt Bản. Ánh nắng lúc bấy giờ ngả màu vàng nhạt. Tôi bước xuống phòng khách.

Thuyền trưởng Nam Mộ cũng trở lại nơi đó để kiểm điểm đồng hồ chỉ kinh tuyến. Đoạn ông ta quay qua tôi nói:

– Ông Long Đắc, chúng ta đang ở vào khoảng một trăm ba mươi bảy độ mười lăm phút thuộc kinh tuyến phía tây.

Tôi đột nhiên hỏi với hy vọng may ra biết được một phần nào nguồn gốc của ông ta chẳng:

– Thưa ông, ông dùng đồng hồ nước nào đó?

– Tôi có nhiều đồng hồ riêng, mỗi đồng hồ chỉ giờ từng nước như; Ba Lê, Hoa Thịnh Đốn chẳng hạn. Nhưng vì

vinh dự của ông, tôi xin dùng theo đồng hồ Ba Lê.

Câu trả lời ấy không đem lại cho tánh tò mò của tôi một ích lợi nào cả. Tôi nghiêng mình tỏ ý cảm ơn. Thuyền trưởng nói tiếp:

– Một trăm ba mươi bảy độ mười lăm phút về phía tây theo kinh tuyến Ba Lê và ba mươi độ bảy phút thuộc vĩ tuyến phía bắc, tức là cách bờ biển Nhật Bản gần ba trăm dặm vào buổi trưa. Như thế, ngay giờ này và nơi này chúng ta bắt đầu lặn xuống nước.

Tôi mỉm cười, nhìn Thuyền trưởng phụ họa:

– Vâng. Không có gì ngăn cản ý muốn chúng ta cả.

Thuyền trưởng nói tiếp:

– Và, ngay bây giờ tôi để cho ông được tự do nghiên cứu lối điều khiển con tàu. Đây tôi đang cho con tàu chạy theo hướng đông nam dưới mặt nước năm mươi thước. Và đây, tấm bản đồ có đánh dấu rõ ràng ông có thể theo đó mà điều khiển con tàu được. Phòng này tôi giao hoàn toàn cho ông sử dụng. Tôi xin phép ra ngoài vì đang bận một việc khác.

Dứt lời, Thuyền trưởng Nam Mộ chào tôi rồi bỏ ra.

Một mình ngồi lại trong phòng, óc tôi nghĩ miên man về con người kỳ lạ ấy. Tôi không làm sao có thể đoán được ông ta là người gốc ở đâu cả. Ông ta thú thật là ông ta thù với xã hội loài người, như thế chẳng lẽ ông ta tìm một cuộc sống bí hiểm như vậy để trả thù sao? Hay ông ta là một nhà thông thái nào đó bị thất bại trong các biến cố chính trị? Thật không

có một căn cứ nào để xét đoán cả.

Về phần tôi, ngẫu nhiên bị sa vào chiếc tàu bí hiểm của ông ta, mạng sống ở trong tay ông ta, ông ta đối đãi với tôi không tử tế lắm, nhưng không đến nỗi lạnh nhạt, chỉ có điều là không bao giờ ông ta chịu bắt tay tôi cả.

Hàng giờ trôi qua, tôi vẫn triền miên trong bao nhiêu ý nghĩ đó, cố tìm ra một tia sáng có thể giúp cho tôi khám phá tấm màn bí mật này. Đôi mắt tôi vẫn chăm chăm dính liền với cầu đồ, ngón tay tôi đặt mãi trên một giao điểm giữa kinh tuyến và vĩ độ.

Dưới biển vẫn có những dòng sông như trên lục địa, trên bản đồ có ghi rõ nhiệt độ và màu sắc của từng con sông. Nó là những dòng hải lưu rất lớn chia ra làm năm dòng chính: dòng thứ nhất

ở về phía bắc Đại tây dương, dòng thứ hai ở về phía nam Đại tây dương, dòng thứ ba ở về phía bắc Thái Bình dương, dòng thứ tư ở về phía nam Thái bình dương, dòng thứ năm ở về phía nam Ấn Độ dương. Cũng còn có thể kể thêm một dòng thứ sáu nữa ở về phía bắc Ấn Độ dương giữa khoảng hai mặt biển Cát Biển (Caspienne) và A Rang (Aral) gặp nhau.

Theo sự chỉ dẫn của cầu đồ thì con tàu Nam Tị Lũy phải đi ngang qua một trong những dòng hải lưu này. Đó là dòng hải lưu Cu-rô xi-vô (Kuro Scivo), một dòng sông Hắc giang từ vịnh Băng-Gan (Bengale) chảy ra, do luồng chí tuyến của ánh nắng mặt trời nung đốt, chảy vòng theo eo bể Ma-lắc-ca, ăn ngầm xuống bờ bể Á châu, chảy vòng về phía bắc Thái Bình dương đến đảo Lễ-Uu-Tiên

(Aléoutienne). Với dòng nước nóng ấy, các thân cây long não ở vùng này bị trốc gốc và cuốn đi cùng các sản phẩm khác.

Trong lúc tôi đang mải mê theo dõi cầu đồ thì Nễ Lang và Côn Sơn hiện đến trước cửa phòng.

Đôi bạn đứng ngơ ngác trước căn phòng trang bày lộng lẫy đủ những sản vật kỳ lạ của biển cả. Nễ Lang buột miệng reo to:

– A! Chúng ta ở đâu thế này? Có phải chúng ta đang ở tại Viện bác vật Quê-bắc (Québec) không?

– Có lẽ nơi đây là nhà hàng Xô-mơ-ra (Sommerard)!

Tôi mỉm cười, đưa tay gọi hai bạn vào phòng, và nói:

– Các bạn ạ! Các bạn không phải đang ở bên Gia Nã Đại, cũng không phải ở bên Pháp, mà chính là các bạn đang ở trên con tàu Nam Tị Lũy, chạy ngầm dưới mặt biển năm chục thước.

Côn Sơn nói:

– Tôi tin là như vậy, vì lời ông đã nói. Song tại sao căn phòng này lại có thể làm ngạc nhiên một chàng trai Pha-măng (Flamand) như tôi được.

– Phải, anh ngạc nhiên là phải! Anh cứ tự do ngắm nghía đi. Nơi đây sẽ giúp cho anh ít nhiều thích thú, vì anh là người chuyên môn sắp các loại vạn vật học.

Không cần đợi tôi khuyến khích, Côn Sơn đã vội vã chạy đến, dán mũi vào các tủ gương, thì thảo với những danh từ chuyên môn: Loại phúc túc, giống sò ốc, ngành đất sứ, v. v...

Giữa lúc ấy thì Nễ Lang, vẻ mặt lãnh đạm hơn, bước đến hỏi tôi về cuộc gặp gỡ vừa qua với vị chủ tàu, về lý lịch và những điều tôi đã biết ông ta, và rất nhiều câu hỏi mà tôi không kịp trả lời.

Tôi chỉ kể lại cho chàng ta nghe những gì tôi đã biết. Cuối cùng tôi hỏi lại chàng ta có biết được điều gì khác không.

Nễ Lang đáp:

– Về phần tôi, tôi không được nghe, thấy gì cả. Đến những viên thủy thủ trên con tàu này tôi cũng không gặp ai. Không chừng viên chủ tàu này cũng là một con người điện?

– Con người điện?

– Tôi nói thế thôi, nhưng cũng là một ý kiến để chúng ta xét đoán.

Ngẫm nghĩ một lúc, trong óc Nễ Lang cũng không từ bỏ tư tưởng cũ, anh ta vụt hỏi tôi:

– Này ông Long Đắc! Ông có thể cho tôi biết số người trên con tàu này độ bao nhiêu không?

– Tôi không biết được Nễ Lang ạ! Nhưng, theo ý tôi, anh Nên từ bỏ ý định ấy là hơn. Chiếm đoạt, hoặc tẩu thoát trong lúc này là tự mình gây lấy sự bất lợi cho mình. Con tàu này là một công trình khoa học tối tân! Hẳn có nhiều người muốn ở vào hoàn cảnh chúng ta để được xem xét tường tận những cái hay, cái lạ. Anh Nên bình tĩnh đã, và cố gắng dò xét mọi việc xung quanh chúng ta là hơn.

Nễ Lang hét lên:

– Dò xét ư! Nào chúng ta có được

trông thấy gì đâu? Và cũng sẽ không bao giờ trông thấy gì cả ngoài cái nhà giam bằng sắt này.

Nễ Lang vừa nói dứt tiếng thì bóng tối bỗng trùm kín cả con tàu, một thứ bóng tối đen ngịt. Ánh sáng trên trần tàu tắt hẳn, làm cho con mắt chúng tôi thấy khó chịu vô cùng.

Chúng tôi lặng thinh, ngồi yên không dám cử động, chẳng biết sự việc vừa xảy ra sẽ đem đến cho chúng tôi may rủi thế nào. Tuy nhiên, bên tai chúng tôi vẫn còn nghe tiếng con tàu rạt rào lướt đi trong nước.

Nễ Lang thở dài nói:

– Thôi, hẳn là phút giây cuối cùng trong lúc tận số rồi!

Bên kia, tiếng Côn Sơn vẫn lẩm bẩm:

– ... Thuộc vào loại thủy tức động vật!

Thình lình, ánh sáng rực rỡ từ bên ngoài chiếu vào hai khung sổ bên phòng tàu, làm cho mọi người lóa mắt. Tôi đưa mắt nhìn ra. Nước biển sáng hực đập vào hai khung cửa kính ngăn cách phòng tàu với khối nước bên ngoài. Tôi thất kinh, có cảm giác như hai khung kính kia sẽ vỡ tung ra, và nước biển tràn vào. Nhưng không, hai khung cửa kính rất chắc, sức ép của khối nước bên ngoài không lay chuyển nó được.

Nước biển trong như thủy tinh, sáng ngời xung quanh con tàu Nam Tị Lữ có thể trông thấy xa một dặm. Ô! Đẹp làm sao! Không có bút mực nào mà tả nổi. Không có một họa sĩ nào có thể diễn tả màu sắc của từng lớp nước biển được!

Ai cũng biết rằng nước biển có tánh chất trong mờ, vì nó có pha lẫn với chất nham thạch, Nên càng tăng thêm sức trong của nó. Ở vài nơi như vùng Anty (Antilles) chẳng hạn, chúng ta có thể nhìn thấy mặt cát dưới đáy biển sâu bốn mươi lăm thước, và ánh mặt trời có thể rọi sâu xuống đến ba trăm thước. Tuy nhiên, nơi đây không phải thế. Không phải ánh điện chói vào khối nước trong mà chính là một thứ nước có ánh sáng.

Nếu theo lý thuyết của Echemberg, cho rằng dưới đáy biển có những vùng nước có chất lân tinh sáng hực như ánh nắng mặt trời, thì nơi đây quả thực không sai. Vũ trụ đã dành riêng cho mọi sinh vật dưới đáy biển những kỳ thú không tả nổi. Hai bên phòng chúng tôi có hai cửa sổ, và ánh điện trong phòng tối om, làm cho chúng tôi trông ra bên ngoài càng

thêm thấy rõ ràng hơn nữa.

Thật là một tấm gương vĩ đại, đủ màu sắc.

Con tàu Nam Tỵ Lũy lướt đi rất nhanh, nhưng chúng tôi có cảm giác hình như đứng yên một chỗ, nếu thỉnh thoảng nó không nổi lên một vài gợn nước nơi thêm tàu.

Ngất ngưỡng trước cảnh kỳ quan ấy, chúng tôi đứng chống tay nhìn ra khung cửa kính. Mọi vật im lìm.

Bỗng Côn Sơn reo to:

– Nể Lang ơi! Lại đây mà xem! Lại đây mà xem!

Lúc bấy giờ Nể Lang cũng đã quên hết nỗi hần học của lòng mình, la lớn:

–Ồ! Đẹp lắm! Đẹp lắm! Chúng ta

ước gì được đi mãi mãi để ngắm cảnh đẹp này!

Tôi xen vào nói:

– À! tôi hiểu cuộc sống của con người bí hiểm này rồi! Ông ta muốn tạo cho mình một thế giới riêng, một thế giới thần tiên mà loài người chẳng bao giờ thấy nổi.

Nễ Lang yên lặng trở mắt nhìn ra bên ngoài một lúc, rồi nói:

– Kìa, những con cá? Tôi chưa bao giờ được xem những con cá như vậy.

Côn Sơn nói:

– Anh ngạc nhiên là phải, anh Nễ Lang ơi! Bởi vì anh chưa biết nó!

Nữ Lang hét lên:

– Ô! Tôi là một chàng ngư phủ kia mà!

Đôi bạn tranh luận nhau trên lập trường của mình. Vì, tuy cả hai đều có quan niệm về cá, nhưng mỗi người có một cảm nghĩ riêng biệt. Ai cũng hiểu rằng cá là động vật có xương sống được liệt vào hàng thứ tư đối với các động vật có xương sống khác. Người ta còn phân biệt những loài cá có máu nóng, những loài cá có máu lạnh, những loài cá thở bằng phổi, những loài cá thở bằng mang và chỉ sống được trong nước mà thôi. Trong đó, người ta chia ra hai loại riêng biệt: Loại có xương cứng, tức là những loài mà trên lưng nó có vi rất cứng. Những loại xương mềm, tức là những loài mà trên lưng nó có vi mềm.

Có lẽ Nễ Lang cũng thừa nhiều các loại cá này. Nhưng Côn Sơn lại còn rành

re hơn, vì vậy trước mặt Nễ Lang anh ta tỏ vẻ thông thạo, nói:

– Anh Nễ Lang, anh là một chàng ngư phủ rành nghề, chính tay anh đã giết rất nhiều cá, tuy nhiên tôi dám chắc rằng anh không hiểu người ta chia loại như thế nào cả.

Nễ Lang ôn tồn đáp:

– Biết lắm chứ! Người ta chia ra làm hai loại: Một loại cá ăn thịt được và một loại cá không ăn thịt được.

Côn Sơn cười xòa, nói:

–Ồ! đó là cách chia loại của những kẻ háo ăn. Anh có biết thế nào là thứ cá xương mềm và thế nào là thứ xương cứng không?

– Biết chứ!

– Người ta phân chia hai thứ ấy như thế nào?

Nễ Lang ngẫm nghĩ rồi đáp:

– Tôi không được rành lắm!

– Thế thì ông bạn hãy nghe tôi nói đây. Thứ cá có xương cứng chia ra làm sáu loại. Loại thứ nhất là loại Acanthoptérygiens, hàm răng phía trên đầy đủ và cử động được, hai cái mang có hình răng lược. Loại này chia ra làm mười lăm giống, nghĩa là hơn hai phần ba giống cá trong loại này, chúng ta thường được trông thấy. Như giống cá mang rổ chẳng hạn.

Nễ Lang nhìn Côn Sơn nói:

–Ồ! giống cá ấy ngon lắm.

Côn Sơn nói tiếp:

– Thứ hai là loại Abdominaux, hai cái vi ở dưới bụng và trich ra đằng sau đuôi, không dính liền với hai cái xương hai bên vai. Loại này gồm có năm giống và phần nhiều ở nước ngọt. Như giống cá chép, cá măng chẳng hạn.

Nễ Lang bĩu môi nói:

– Ô! Nói làm gì những cá nước ngọt.

Côn Sơn vẫn điềm tĩnh nói tiếp:

– Thứ ba là loại Subbrachiens, hai cái vi dính liền trước ngực, nối liền với hai xương bên vai. Loại này chia ra làm bốn giống như giống cá dìa, cá lờn bơn chẳng hạn.

Nễ Lang chỉ muốn kể đến những loại cá ăn thịt được, nên nghe Côn Sơn ví dụ hai giống cá ấy, vội reo lên:

– Ô! Ngon lắm! Ngon lắm!

Côn Sơn vẫn không nản lòng trước thái độ của anh chàng ngớ ngẩn ấy, vội kể tiếp:

– Thứ tư là loại Apodes, mình dài, không có vi dưới bụng, và trên da thường thường có chất nhớt. Loại này chỉ gồm có một giống. Như giống lươn, giống cá điện ngư chẳng hạn.

Nễ Lang nói:

– Ô! Giống ấy tầm thường quá!

Côn Sơn nói tiếp:

– Thứ năm là loại Lophobranches, hai hàm răng đầy đủ và cử động lẹ làng, nhưng hai cái mang chỉ có những lỗ nhỏ. Loại này gồm có một giống. Như giống hải mã, phi ngư chẳng hạn.

Nễ Lang nhăn mặt, nói:

– Ô! Giống ấy tệ lắm! Tệ lắm!

Côn Sơn nói tiếp:

– Cuối cùng, là loại Plectognathes. Loại này xương hàm móc khớp với xương sọ, và chính xương sọ điều khiển việc cử động. Đây cũng là loại không có vi dưới bụng, và chia ra làm hai giống. Như giống cá mặt trắng chẳng hạn.

Nễ Lang bĩm môi nói:

– Kể làm gì những loại cá chỉ làm cho bắn chảo nước sôi!

Côn Sơn hỏi:

– Tôi nói như thế anh có hiểu được không, Anh Nễ Lang?

– Được. Tôi nghe được mà! Anh cứ

kể tiếp đi, anh Côn Sơn!

Côn Sơn nói tiếp:

– Về thứ cá xương mềm chỉ gồm có ba loại.

Nễ Lang nói:

– Thế cũng đủ rồi!

– Thứ nhứt, loại Cyclostomes, hàm răng dính liền nhau với một cái vòng có thể cử động được, và hai cái mang có nhiều cái lỗ nhỏ. Loại này chỉ gồm có một giống. Như giống cá chình chẳng hạn.

Nễ Lang nhướn mày, nói:

– Loại đó ăn rất thích.

– Thứ hai, loại Sélauens, hai mang cũng giống như loại Cyclostomes nhưng

chỉ có hàm răng dưới cử động được mà thôi. Loại này gồm có hai giống. Như giống cá đuối, cá mập chẳng hạn.

Nễ Lang reo to:

– Ô! Cá đuối với cá mập lại cùng một loại sao? Anh Côn Sơn ạ! Đừng bỏ chung cá đuối và cá mập vào một chảo, vì làm như thế sẽ mất mùi vị ngon lành của giống cá đuối đi!

Côn Sơn vẫn thản nhiên nói tiếp:

– Thứ ba, loại Sturioniens, loại mang trống, chỉ gồm có một lỗ mang cái mà thôi. Loại này gồm có bốn giống. Như giống cá chiên chẳng hạn.

– A! Côn Sơn ơi! Anh đã để dành con cá ngon nhất nói sau cùng! Thế là hết rồi phải không?

– Phải, thế là hết. Và tôi cũng chỉ biết có thế thôi. Ngoài ra mỗi giống cá còn chia ra nhiều ngành, nhiều giống biển tương nữa.

Nễ Lang nghiêng đầu trước cửa kính và kêu Côn Sơn nói:

– Kìa! những giống “biển tương” đang đi qua kìa!

– Phải, cá quá nhiều! Người ta có cảm giác như chúng đang ở trong một cái thùng rộng vậy.

Nghe Côn Sơn nói, tôi mỉm cười, xen vào:

– Không. Không phải như ở trong cái thùng rộng đâu! Vì, trong thùng rộng còn có đáy, có nắp. Ở đây chúng được tự do như loài chim ở giữa trời vậy.

Nễ Lang nói:

– Anh Côn Sơn, anh cứ xếp hạng những con cá này đi. Tôi đang muốn nghe.

Côn Sơn đáp:

– Tôi không đủ sức. Việc này phải nhờ ở thầy tôi mới được!

Tôi nhìn ra ngoài, và nói:

– Đó là một loại cá đao.

Nễ Lang reo to:

– Nhưng là loại cá đao tàu!

Thật vậy. Nễ Lang qua không lầm. Một bầy cá đao, da nhám sì, trên lưng có một lưỡi độc, nhọn như mũi mác, đang bơi đuổi theo con tàu Nam Tị Lũy. Những lưỡi độc của chúng lay động như

muốn chực sẵn để đâm vào đối thủ vậy. Không còn gì thích thú hơn là nhìn vào lớp da của chúng, trên màu xám, dưới màu trắng, và những chấm vàng lấm tấm chói ngời trong nước biển.

Giữa bầy cá đao ấy lại có một bầy cá đuối, rộp cả nước, phất phới như một chiếc khăn trải ra trước gió. Đó cũng là loại cá đuối tàu – theo lời Nễ Lang – trên lưng màu vàng, dưới bụng màu đỏ lạt, đằng sau con mắt có ba cái ngạnh nhọn hoắt. Giống này rất ít thấy. Ngay trong thời kỳ ông Lã Si Bích (Lacépède) ông ta chỉ thấy trong một bản vẽ của người Nhựt mà thôi.

Suốt trong hai tiếng đồng hồ, đoàn thủy binh ấy cứ vẫn theo đuổi mãi con tàu Nam Tị Lũy. Chúng bơi lội đủ cách, đủ chiều.

Giữa bầy cá ấy, chúng tôi còn phân biệt được giống cá bóng đuôi tròn, màu trắng, trên lưng có những chấm màu tím; giống cá sòng mình xanh, đầu trắng như bạc, chia ra làm nhiều thứ; thấy mình có sọc, vì nổi lên hai màu, xanh, vàng thứ đuôi có một làn đen. Thứ mình có sáu vòng khoanh, dài hơn một thước. Lại còn có những giống cá chình, mình dài sáu bước, mắt sáng và nhỏ, miệng rộng và rất nhiều răng...

Chúng tôi ai nấy say sưa nhìn ngắm cái kho tài nguyên vô tận ấy, quên cả hoàn cảnh hiện tại của mình, Nễ Lang chỉ từng giống cá, Côn Sơn xếp hạng, còn tôi, tôi mơ màng trước mọi hình dáng kỳ lạ, đang diễn qua trước mắt tôi như một bảo tàng viện thiên nhiên, chưa bao giờ từng thấy.

Thình lình, ánh đèn bật sáng trong

phòng, hai cánh cửa sổ hai bên phòng bỗng đóng kín lại. Chúng tôi giật mình, như tỉnh giấc mơ. Vừa ngạc nhiên vừa luyến tiếc.

Kim địa bàn vẫn luôn luôn chỉ về hướng Đông Bắc, đồng hồ áp lực vẫn còn chỉ sức ép của con tàu dưới năm mươi thước nước, đồng hồ tốc độ vẫn ghi mười lăm dặm một giờ. Nghĩa là không có gì đổi khác. Tôi nóng lòng chờ thuyền trưởng Nam Mộ, nhưng không thấy ông ta đến.

Đồng hồ chỉ năm giờ...

Nễ Lang và Côn Sơn rủ nhau trở về phòng riêng. Còn tôi, tôi cũng trở về phòng tôi.

Bữa cơm chiều đã dọn sẵn trên bàn, gồm có một món canh thịt rùa thơm

phức, một đĩa thịt màu trắng, cắt ra từng miếng mỏng, bằng gan cá trong rất ngon lành.

Dùng bữa xong, tôi nằm vào giường nghỉ. Thỉnh thoảng tôi đọc, viết và suy nghĩ mãi. Cuối cùng, giấc ngủ đến với tôi lúc nào không hay. Tôi đánh một giấc ngon lành trong lúc ấy con tàu Nam Tỵ Lũy vượt qua dòng sông Hắc giang.

CHƯƠNG 15

MỘT BỨC THƯ MỜI

Hôm sau, ngày 9 tháng mười một, qua một giấc ngủ dài mười hai tiếng đồng hồ, tôi bỗng giật mình thức dậy.

Cũng như thường lệ, mỗi sáng Côn Sơn đến gặp tôi để viếng an và hỏi tôi có cần sai bảo gì không. Tôi hỏi:

– Nể Lang đâu?

Côn Sơn mỉm cười, đáp:

– Anh ta vẫn ngủ như mọi ngày, nghĩa là như một kẻ suốt đời chỉ biết ngủ thôi.

Tôi không hỏi nhiều, vì trong óc tôi đang bận nghĩ đến việc vắng mặt của Thuyền trưởng Nam Mộ. Tôi mặc quần áo, và sang vội bên phòng khách. Phòng này cũng vẫn vắng tanh.

Để khỏi nóng lòng chờ đợi, tôi xem xét trong các tủ gương, phân tách từng loại cây, thứ cây mọc dưới biển, được ông ta góp nhặt làm kiểu mẫu mặc dầu lâu ngày, đã khô đi, song loại nào cũng còn giữ được màu sắc trông rất đẹp mắt.

Suốt ngày trôi qua, tôi vẫn không thấy bóng thuyền trưởng Nam Mộ đâu cả. Hai cánh cửa sổ bên phòng tàu cũng không mở ra như ngày hôm qua nữa. Có

lẽ người ta không muốn cho chúng tôi hưởng mãi cảnh đẹp của bể cả vừa rồi! Con tàu Nam Tỵ Lũy vẫn hướng về phía đông bắc, nhưng với tốc độ mười hai dặm một giờ và dưới chiều sâu trên năm mươi thước.

Ngày hôm sau, ngày 10 tháng mười một, cũng với tình trạng ấy, chúng tôi hoàn toàn trong cảnh thanh vắng, cả đến một viên thủy thủ trên tàu, chúng tôi cũng không trông thấy.

Nễ Lang và Côn Sơn quanh quẩn với tôi ở đó gần suốt ngày. Ai nấy ngạc nhiên trước sự vắng mặt khó hiểu của viên thuyền trưởng; tuy không nói ra, song trong óc mỗi người chúng tôi đều đặt những câu hỏi na ná như nhau: Con người bí hiểm ấy bị đau bất ngờ ư? Ông ta có một dự tính nào đối với chúng tôi sao?

Nhưng, dù sao cũng chưa hề gì. Vì, người ta vẫn cho chúng tôi được tự do đi lại, và ăn uống tử tế.

Ngày 11 tháng mười một luồng gió mát thổi nhẹ trên trần tàu, báo hiệu cho tôi biết là con tàu hiện đang nổi lên trên mặt bể để lấy không khí. Tôi vội vã bước lên cầu thang để ra bên ngoài sườn tàu.

Lúc đó vào khoảng sáu giờ sáng, mặt biển còn lờ mờ trong màu xám nhạt. Tôi hy vọng sẽ gặp thuyền trưởng Nam Mộ có mặt nơi đây; nhưng không, tôi không thấy ông ta đâu cả, chỉ có một mình người lái tàu ngồi trong phòng kính mà thôi. Ngồi trên sườn tàu tôi vươn vai hít đầy lồng ngực luồng không khí trong lành của mặt biển.

Trời dần dần sáng, vùng đông ló bóng. Những tia sáng dịu dịu rắc trên

mặt nước trộn với sương mù như bột. Mây ở chân trời lần lượt kéo lên cao, như vén bức màn cho chân trời mỗi lúc tỏ thêm.

Nhưng gió mà làm gì, bão cũng chẳng làm gì đối với con tàu Nam Tỵ Lũy này!

Tôi đứng ngắm cảnh đẹp của lúc mặt trời mọc, thì bỗng có tiếng chân người bước lên sườn tàu. Ngõ là thuyền trưởng Nam Mộ, tôi chuẩn bị để chào đón ông ta. Nhưng không đó lại là một người khác, một người dưới quyền điều khiển của thuyền trưởng.

Ông ta bước đến coi như không có tôi trước mặt tay cầm viễn vọng kính đưa lên xem bốn phía chân trời, rồi cho miệng xuống hầm tàu nói lên một câu bằng thứ tiếng riêng biệt. Câu nói ấy tôi

nhớ rõ vì sáng nào ông ta cũng nói như thế cả.

“Nỗ thông rết bột lột ni vít.”

Câu ấy có nghĩa gì, tôi không hiểu, mặc dầu tôi vẫn thuộc lòng.

Nói xong, ông ta trở xuống. Tôi đoán rằng con tàu sắp lặn xuống nước, nên vội leo xuống thang trở về phòng.

Năm ngày tiếp liền với cảnh tượng như vậy. Sáng nào tôi cũng leo lên sườn tàu, và cũng nghe câu nói của người ấy. Còn thuyền trưởng Nam Mộ không thấy đâu cả.

Bỗng ngày 16 tháng mười một, tôi cùng Côn Sơn và Nễ Lang vừa bước vào phòng thì thấy trên bàn của tôi có để một phong thư.

Tôi vội vàng mở ra xem. Nét chữ trong thư rất răn rỏi, viết như sau:

Kính ông giáo sư Long Đắc trên con tàu Nam Tị Lũy.

ngày 16 tháng 11 năm 1867

Thuyền trưởng Nam Mộ mời ông giáo sư Long Đắc dự cuộc săn bắn tổ chức vào sáng ngày mai nơi rừng Kích Bộ (Crespo). Thuyền trưởng mong mỗi ông không từ chối, và sẽ có hai người bạn của ông cùng đi nữa.

Viên chỉ huy tàu Nam Tị Lũy

Thuyền trưởng Nam Mộ

Nễ Lang reo lên:

– Một cuộc săn bắn!

Côn Sơn nói tiếp:

– Nơi rừng Kích Bộ!

Nễ Lang nói tiếp:

– Nhưng con người bí hiểm ấy lại lên trên mặt đất à?

Tôi vừa xếp phong thư, vừa ngẫm nghĩ, và đáp:

– Có lẽ. Vì ông ta tổ chức cuộc săn bắn trong rừng kia mà!

Nễ Lang nói:

– Thế thì nên nhận lời đi! Một khi đã bước chân trên đất liền chúng ta sẽ có cơ hội tốt. Vả lại, chúng ta sẽ có dịp thưởng thức được vài món thịt tươi.

– Nhưng chúng ta cũng phải xem thử hòn đảo Kích Bộ ở về phía nào đã chứ.

Nói xong, tôi lấy tay dò tay cầu đồ. Cách vĩ tuyến phía bắc 32° 40' và kinh tuyến phía tây 167° 50' có một hòn đảo nhỏ. Hòn đảo này vào năm 1801 thuyền trưởng Kịch Bộ tìm thấy nên trong những bản đồ của xứ Y Pha Nho có ghi là hòn “Roca de la Plata” nghĩa là “Hòn bạc”. Con tàu Nam Tị Lũy muốn đến đó phải đi hơn một ngàn tám trăm dặm về hướng đông nam.

Tôi chỉ tay vào một chấm nhỏ về phía bắc Thái Bình dương nói với Nễ Lang và Côn Sơn:

– Nếu một khi thuyền trưởng Nam Mộ muốn đặt chân lên mặt đất, ít ra ông ta cũng lựa vùng đảo nào hoang vắng lắm!

Nễ Lang gật đầu không đáp rồi cùng với Côn Sơn trở về phòng.

Sau khi dùng qua loa bữa ăn tối, do tên bồi tàu đem đến, tôi nằm mơ màng nghĩ vẩn vơ về câu chuyện rồi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, ngày 17 tháng mười một, khi thức dậy, tôi cảm thấy như con tàu đứng yên một chỗ. Tôi vội vã mặc áo quần, sang phòng khách.

Thuyền trưởng Nam Mộ đã có mặt nơi đó tự bao giờ rồi. Ông ta đứng dậy chào, và hỏi:

– Ông bằng lòng dự cuộc săn bắn với tôi chứ?

Qua tám ngày vắng mặt, ông ta không có gì đổi khác.

Tôi đáp:

– Tôi và hai bạn tôi đã sẵn sàng theo

ông. Nhưng trước khi đi, ông cho phép tôi được hỏi một điều.

– Được, xin ông cứ hỏi. Nếu điều gì có thể trả lời được tôi sẽ trả lời ngay.

– Thưa Thuyền trưởng, theo lời ông nói ông đã từ bỏ mọi liên lạc trên mặt đất, thế tại sao ông còn có một khu rừng để săn bắn?

– Ông lầm rồi, ông Giáo sư ạ! Khu rừng này không phải là một khu rừng trên mặt đất. Nó là một khu rừng dưới đáy biển, ở đó không có mặt trời, không có ánh sáng, không có sư tử, cọp, nai. Nói chung là không có những loại thú rừng trên mặt đất.

Tôi ngạc nhiên:

– Khu rừng dưới đáy biển!

– Phải, ông giáo sư ạ!

– Và ông định dẫn tôi đến đó?

– Dĩ nhiên.

– Đi bộ?

– Đi bộ.

– Và đến đó để săn bắn?

– Để săn bắn.

– Săn bắn bằng súng tay?

– Bằng súng tay.

Tôi trở mắt nhìn thuyền trưởng. Thái độ ông ta vẫn điềm tĩnh trước sự ngạc nhiên của tôi.

Tôi tự nghĩ: “Ồ! có lẽ ông ta bị loạn óc.”

Qua tám ngày vắng mặt, ông ta bị

bệnh, mà mãi đến nay chưa lành chẳng!

Ý nghĩ ấy hiện rõ trên nét mặt của tôi bằng cử chỉ nhìn ông ta trân trời. Ông ta đứng dậy nói:

– Xin mời ông theo tôi.

Tôi nghiêng mình tuân lệnh và nổi gót bước theo. Chúng tôi vào phòng ăn. Ở đó bữa ăn sáng đã được sửa soạn tiêm tất.

Thuyền trưởng Nam Mộ chỉ tay mời tôi ngồi vào một chiếc ghế đối diện, và nói:

– Tôi mời ông dự bữa cơm sáng với tôi. Chúng ta vừa ăn vừa nói chuyện cho lợi thì giờ hơn. Nếu ông bằng lòng theo tôi vào rừng thì xin ông hãy dùng bữa cho thực nhiều, vì ở đó không có một khách sạn nào cả.

Bữa ăn gồm có vài món cá, một thứ nước trong trộn với rượu men.

Vừa ngồi vào bàn, thuyền trưởng ăn ngay, không chần chờ gì cả.

Qua một lúc, ông ta nói:

– Ông Long Đắc, khi tôi mời ông đi săn bắn nơi rừng Kịch Bộ, ông có ý cho tôi là kẻ nói không thực lời, vì tôi đã từ bỏ mặt đất tại sao tôi còn trên đảo. Nhưng khi tôi nói cho ông biết khu rừng ấy là một khu rừng dưới đáy biển thì ông lại cho tôi là một người điên. Ông ạ! ông chớ nên xét người bằng cách nông cạn như vậy.

– Nhưng, thưa Thuyền trưởng, xin ông hiểu cho rằng...

– Xin ông cứ để tôi nói. Rồi ông sẽ thấy rằng tôi có điên, hoặc thiếu thành

thực hay không!

– Vâng, tôi xin nghe.

– Cũng như tôi, chắc ông hiểu rằng con người có thể sống với mặt nước với điều kiện là đem không khí theo để thở. Thường thường, những công việc cần phải làm dưới biển, người thợ mặc một thứ quần áo không thấm nước, đầu trùm một cái nón bằng đồng, đưa không khí bên ngoài vào bằng một ống thụt đẩy và máy điều hòa hơi thở.

Tôi nói:

– Thưa ông, đó là một thứ máy dùng để lặn.

– Đúng vậy. Nhưng theo cách đó, con người xuống nước sẽ không được tự do, vì họ phải bịt mặt vào hai cái ống cao su để chuyển không khí từ bên trên

xuống. Nếu chúng ta làm theo cách đó, chúng ta cũng sẽ bị con tàu Nam Tị Lũy giữ lại, không thể nào tự do đi xa được.

Tôi hỏi:

– Theo ý ông thì phải làm cách nào để được tự do?

– Làm theo cách Lữ Qua Liên (Rouquayrol) và Đặng Na Luông (Denayrouze), hai nhà bác học của xứ ông đã sáng chế ra. Tuy nhiên, đối với tôi, tôi chỉ căn cứ theo nguyên tắc đó mà chế ra một kiểu mới để cho các cử động của người lặn xuống nước khỏi vướng víu. Nó gồm có một bình chứa hơi bằng thép dày, bên trong có thể dung nạp được số không khí năm mươi lần sức ép của khí trời. Bình này móc ở sau lưng bằng những sợi dây đai như một chiếc túi lính vậy. Bên trên bình, có một cái hộp nhỏ, trang bị

một máy bơm, để không khí có thể thoát ra theo mức độ bình thường. Với kiểu máy Lũ Qua Liên, người ta dùng hai ống cao su bắc qua chiếc hộp ấy, nối liền vào mũi và miệng của người lặn, một ống dùng để đem hơi thở ra, đóng mở bằng hai cái lưỡi gà theo sự cần thiết của hơi thở. Còn tôi, tôi phải chịu đựng một sức ép quá nặng nề dưới đáy biển, vì vậy tôi phải áp dụng thêm lối trùm đầu, nghĩa là bao đầu con người lại bằng một chiếc bầu tròn bằng đồng, bắc liền hai cái ống hô hấp với chiếc hộp chứa không khí.

– Thưa thuyền trưởng, cách ấy quả tiện lợi lắm. Nhưng theo tôi tưởng, số không khí chứa trong bình kia sẽ không dùng được bao lâu, vì không khí nào không chứa được mười lăm phần trăm dưỡng khí sẽ không thở được.

– Đúng rồi. Nhưng tôi đã nói với ông

rằng những vòi bơm của con tàu Nam Tỵ Lũy có thể nạp vào bình chứa hơi của tôi một số không khí đáng kể, với một sức ép bên trong năm mươi lần sức ép của khí trời. Bằng cách đó, tôi có thể sống dưới nước độ chín, mười ngày.

– Thế thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Chỉ có điều tôi chẳng hiểu ông phải dùng ánh sáng cách nào để rọi đường dưới đáy biển?

– Bằng lối bình đèn kiểu Long quốc (Ruhmkorff). Nếu bình hơi đeo ở sau lưng thì bình đèn đeo nơi dây nịt. Nó gồm có một cục pin chứa chất sodium và một trục thép chỉ để tăng điện lực, bắt liền với một bóng đèn, khí cat-bô-níc cháy sáng. Như thế chúng ta có thể thấy được xung quanh một cách dễ dàng.

– Thưa Thuyền trưởng, còn loại súng

để săn bắn chẳng hay ông đã dùng loại súng nào?

– Không phải dùng loại súng bắn bằng ngòi thuốc.

– Thế thì ông dùng loại súng bắn bằng hơi ư?

– Dĩ nhiên! Vì trên tàu làm gì có diêm sinh, hoặc than để chế thuốc súng?

Tôi hỏi:

– Nhưng, muốn đạt được một năng lực hữu hiệu trong nước, một chất đặc hơn không khí tám trăm năm mươi lần hơn, ít ra súng ấy cũng phải có một sức mạnh nào mới được chứ.

– Điều đó không đáng ngại. Trước kia người ta cũng đã chế ra nhiều thứ súng có thể bắn xuyên qua nước được.

Riêng tôi, tôi không dùng thuốc súng, tôi chỉ dùng sức ép cao độ của khí trời do những vòi bơm của con tàu Nam Tỵ Lũy cung cấp thôi.

– Nhưng, theo tôi nghĩ, trong khối nước đông đặc kia, và trong bóng tối lơ mơ dưới đáy biển, rất khó mà bắn xa, hoặc trúng đích cho được.

– Không đâu. Ông ạ! Với thứ súng của tôi, phát nào cũng trúng đích cả. Vả lại con vật đã bị đạn, dù nhẹ đến đâu cũng lẫn ra chết cả.

– Tại sao thế?

– Bởi vì đạn tôi dùng không phải là loại đạn thường, mà là loại đạn bằng chai chế theo khoa học Mỗi viên đạn có bao một lớp chì rất dày, bên trong có điện. Khi bắn ra, viên đạn nổ, và con vật dù

mạnh thế nào mà bị sức điện cũng phải chết ngay. Loại đạn này không lớn quá bốn ly, mỗi khẩu súng có thể lắp vào một lượt mười viên được.

Tôi vừa đứng dậy bước ra khỏi bàn ăn, vừa nói:

– Đã thế, tôi không còn gì để nói nữa. Tôi chỉ xin phép được lãnh khẩu súng của tôi thôi. Vả lại, ông đi đâu tôi sẽ theo đó kia mà!

Thuyền trưởng dẫn tôi đi vòng qua phía đằng sau con tàu, qua phòng của Côn Sơn và Nễ Lang. Tôi vào một căn phòng nhỏ, gần phòng máy, để thay áo quần đi du lịch.

CHƯƠNG 16

CUỘC DU LỊCH TRÊN ĐÔI

Đây là căn phòng chứa các dụng cụ và quần áo của con tàu Nam Tị Lũy. Trên vách có móc sẵn mười hai bộ đồ lặn để chờ khách du lịch.

Nễ Lang trông thấy các vật đó không thể không biểu lộ sự ghê tởm của anh ta.

Tôi nói:

– Nễ Lang ạ! những khu rừng Kích

Bộ là những khu rừng dưới đáy biển!

Nễ Lang nói tiếp:

– Cái đó tùy ông. Nhưng đối với tôi, nếu không bắt buộc, tôi chẳng bao giờ chịu chui đầu vào trong đó.

Thuyền trưởng Nam Mộ nói:

– Chẳng ai bắt buộc anh làm gì.

Nễ Lang quay lại hỏi Côn Sơn:

– Còn anh Côn Sơn! Anh có bằng lòng mặc nó không?

Côn Sơn đáp:

– Thấy tôi đi đâu tôi vẫn phải theo đó.

Thuyền trưởng Nam Mộ quay ra ngoài gọi lên một tiếng. Bên ngoài hai người thủy thủ bước vào giúp cho chúng

tôi mặc vào những bộ áo quần không thấm nước, bằng cao su, không có đường may, làm theo cách thức dùng để chống lại với sức ép của khối nước bên ngoài. Người ta có thể bảo đó là một thứ áo giáp mềm và chắc. Toàn bộ gồm có một cái quần và một cái áo. Hai ống quần dính liền với đôi giày đế bằng chì nặng trĩu. Áo thì bên trong lớp vải đặc biệt ấy có lót những miếng đồng dày, bao quanh lồng ngực để giúp cho bộ phổi người lặn thở được dễ dàng, khỏi bị nước bên ngoài ép vào. Hai tay áo dính liền với hai chiếc bao tay rất mềm và dẹt, có thể cử động rất thuận tiện. Mặc những áo quần ấy, ở xa, người ta tưởng như những chiếc áo giáp của các hiệp sĩ vào thế kỷ thứ 18 vậy.

Thuyền trưởng Nam Mộ, một thủy thủ của ông ta, Côn Sơn và tôi đều mặc xong bộ áo lặn ấy, chỉ còn có trùm vào

đầu một chiếc “bầu” bằng đồng nữa là xong.

Trước khi làm việc đó, tôi hỏi Thuyền trưởng Nam Mộ:

– Thưa ông, trước khi đút đầu vào máy lặn, xin ông cho chúng tôi thử những chiếc súng mà ông định giao cho tôi, để chúng tôi biết cách sử dụng sau này.

Thuyền trưởng ra hiệu, tức thì người tùy tùng của ông ta mang một cây súng đến cho tôi.

Đó là một khẩu súng theo kiểu thường, bản súng rất lớn, bằng thép, giữa có một lỗ trống dùng để chứa hơi. Bên trên có một cái nắp hơi ăn thông với lòng súng. Phía dưới có một cái hộp đựng lối hai mươi viên đạn. Mỗi khi bắn, chiếc ruột gà trong nòng súng đẩy từng viên đạn lên.

Sau khi xem qua khẩu súng, tôi nói:

– Thưa Thuyền trưởng, loại súng này sử dụng không khó lắm. Tôi không cần phải thử trước. Nhưng chúng ta làm cách nào để xuống dưới đáy biển?

– Ông cứ an tâm. Chờ con tàu Nam Tỵ Lũy đưa chúng ta xuống dưới mười thước nước thì chúng ta se tự do đi lại.

– Nhưng, chúng ta làm cách nào ra khỏi phòng này?

– Rồi ông sẽ thấy.

Nói xong, Thuyền trưởng Nam Mộ dứt đầu vào máy lặn. Tôi và Côn Sơn cũng làm theo trong lúc ấy Nễ Lang phụng phịu với câu nói đầy mỉa mai:

– Thật là một cuộc săn bắn tốt đẹp!

Anh ta không chịu dứt đầu vào cái “bầu” bằng đồng ấy!

Chúng tôi, mỗi người không còn ai trông thấy mặt mày của ai nữa! Trên đầu, dính liền với cổ áo, một cái bầu tròn có khoét ba cái lỗ, và gắn vào đấy một loại kính rất dày để mỗi người chúng tôi có thể trông thấy được bốn phía.

Xong, mỗi người chúng tôi mang vào lưng một cái máy hơi thở, và bắt đầu cho máy ấy chạy. Tôi cảm thấy hơi thở ra, và rất nhẹ nhàng, không làm cho tôi khó chịu tí nào cả.

Hai người tùy tùng của thuyền trưởng đeo vào dây nịt chúng tôi mỗi người một bình đèn, đưa cho chúng tôi mỗi người một khẩu súng cầm tay.

Thế là mọi việc đều trang bị xong

xuôi, chỉ còn có ra đi nữa mà thôi. Nhưng làm sao mà đi được; Thân hình chúng tôi bị lớp quần áo nặng trĩu, lại thêm đôi giày đế bằng chì dính cứng dưới chân, không thể có một cử động nào được.

Tuy nhiên, mọi việc hình như đã sắp đặt trước.

Chỉ trong phút chốc, họ đẩy tôi sang một phòng nhỏ bên cạnh. Mọi người trong phòng cũng được tiếp tục đẩy qua như tôi. Cuối cùng cánh cửa phòng đóng lại. Bóng tối đen ngịt bao trùm cả chúng tôi, không còn trông thấy gì nữa.

Qua vài phút, tai tôi nghe có tiếng rít lên như tiếng còi, và hơi lạnh từ dưới chân lần lần lên đến ngực.

Tôi tự nghĩ:

– Đây hẳn là trong phòng có vòi

nước, lấy nước ti bên ngoài vào.

Giữa lúc đó nổi lên một ánh sáng lơ mờ. Tôi nhìn kỹ thì quả thật xung quanh tôi tràn đầy cả nước biển.

Một cánh cửa thứ hai nơi hông tàu mở ra, chiếu ánh sáng vào bên trong. Và, chỉ trong chốc lát, chúng tôi rời con tàu Nam Tị Lũy bản mình xuống đáy biển.

Bây giờ tôi biết làm sao để tả nỗi cảm giác của tôi trong cuộc du hành đáy biển này? Tiếng nói của loài người không đủ sức để diễn tả những cái đẹp như vậy! Ngòi bút tôi cũng không biết viết thế nào để khỏi làm mất những màu sắc thiên nhiên của bể cả! Khi xuống đến đáy biển, thuyền trưởng Nam Mộ đi trước, người tùy tùng của ông ta theo sau cách vài bước. Côn Sơn và tôi, kẻ trước người sau, đứng nhìn nhau như muốn trao đổi

vài lời qua chiếc mặt nạ bằng sắt của chúng tôi.

Lúc bấy giờ tôi không còn cảm thấy sức nặng của áo quần cùng các vật dụng đeo ở mình tôi nữa. Những vật ấy xuống nước giảm mất sức nặng. Mọi cử động trong người tôi trở nên nhẹ nhàng và tự do. Điều làm cho tôi ngạc nhiên trước nhất là ánh sáng mặt trời từ bên trên rọi xuống sâu hơn ba mươi bước, chiếu qua các lớp nước nổi lên đủ màu sắc lạ lùng. Tôi có thể phân biệt những vật xung quanh tôi cách một trăm thước. Và, tầm mắt tôi mất dần trong một màu xanh thẫm tận đàng xa. Bên trên tôi mặt nước yên tĩnh.

Chúng tôi lần bước trên một bãi cát rất mịn và phẳng lì, không có những hàng hốc như những bãi cát biển trên mặt đất. Ở đây, ánh sáng mặt trời phản

chiếu sáng ngời như ban ngày. Tôi có thể ước đoán chiều sâu hơn ba mươi bước.

Bóng con tàu Nam Tỵ Lũy dài thườn thượt như một tảng đá ngầm xa dần chúng tôi trong màu xanh thẫm. Tuy nhiên, chúng tôi không sợ lạc, vì khi tối đến, ánh đèn hiệu của con tàu sẽ sáng lên, chúng tôi có thể tìm đường trở lại rất dễ dàng.

Chúng tôi cứ lần bước đi tới mãi, và cái đồi đất kia hình như mênh mông, vô tận. Cứ mỗi bước đi nước rẽ ra rồi khép lại tức khắc. Các dấu chân của tôi trên mặt cát cũng xóa mất ngay lúc đó, dưới áp lực của khối nước.

Được một lúc, bỗng trước mắt tôi nhiều hình tượng hiện ra xa xa. Tôi thấy đó là những vật bằng đá thuộc vào loại động thực vật. Lúc đó vào khoảng

mười giờ, ánh nắng mặt trời gay gắt rọi xuống, phản chiếu đủ màu sắc. Ô! đẹp mắt làm sao! Không thể nào phân tách được những màu sắc lẫn lộn qua các sự vật ấy. Tôi có cảm giác như một tấm ván hòa màu của họa sĩ!

Cảnh đẹp ấy làm cho tôi ngây ngất, không biết làm cách nào để nói chuyện với Côn Sơn được. Thực vậy, chúng tôi chỉ có cách giao thiệp với nhau bằng một vài dấu hiệu cần thiết mà thôi. Nhưng dấu sao tôi cũng không thể nín được, tôi biết rằng giữa cái khối nước dày đặc ấy, có nói gì cũng chẳng ai nghe, mà tôi vẫn cứ nói. Tôi nói một mình tôi. Tôi nói oang oang trong cái hộp đồng phủ kín cả mặt mày tôi.

Trước cảnh đẹp ấy, Côn Sơn dừng bước lại như tôi. Chắc có lẽ anh chàng này cũng đang ngây ngất xếp hạng các

loại động thực vật và loại sò ốc. Loại thủy mẫu và loại cực bì tràn lan trên mặt cát. Loại san hô trắng chơm chớm như những chùm cây rậm. Loại bạch đầu bông, thân hình tròn tròn, như những đoá hoa đủ màu trang bày trong màu xanh nhạt. Những loại ngôi sao biển rải rác rất trên mặt cát chói ngời, và thỉnh thoảng lay động theo sóng nước của mỗi bước chân chúng tôi.

Thật là một sự luyến tiếc khi chân tôi phải đạp trên những con ốc sáng chói, đủ hình dạng và hăng hà không làm sao tránh nổi.

Chúng tôi cứ tiến tới mãi giữa cái kho bảo tàng thiên nhiên ấy. Bên trên chúng tôi các giống mực kéo nhau từng đoàn, phe phẩy những cái vòi dài thườn thượt và lướt thướt bơi. Những con sứa, mình trong vắt như tấm gương, thỉnh thoảng

lội qua che ánh nắng mặt trời bên trên làm cho mặt cát đổi màu vàng sậm.

Cảnh vật đẹp mắt ấy trang trải trước mặt tôi với tầm độ xa hơn một phần tư dặm. Tôi muốn dừng lại để ngắm nghía cho thỏa mãn, song không thể được, vì thuyền trưởng Nam Mộ cứ chốc chốc quay lại nhìn tôi và ra dấu bảo tôi đi tới.

Đi được một lúc nữa, thì bỗng mặt cát đổi màu. Dưới chân tôi cảm thấy như có một chất gì nhờn nhờn. Đó là loại rong biển. Loại cây này phủ dày một tấm đệm nhung màu xanh nhạt, đồng thời trong lớp rong ấy, nổi lên lơ thơ những giống cây lá tròn như hạt đậu, giống cây có ống dài, giống cây lá rời ra, và giống cây lá dính chùm lại thành rẽ quạt như những loại cây xương rồng trên mặt đất. Các loại cây ấy, người ta có thể phân biệt hàng ngàn giống. Chỉ có điều lạ là trên

mặt nước, loại cây ấy có màu xanh, thì dưới đáy biển hơi ngả màu đỏ bầm.

Chúng tôi rời con tàu Nam Tị Lũy đã hai tiếng đồng hồ. Mặt trời đã đứng bóng, và chúng tôi vẫn còn đi mãi.

Qua một lúc, chúng tôi tiến dần về phía đồi cát với chiều sâu hơn trăm thước. Chúng tôi phải chịu mười lần sức ép của khí trời. Tuy nhiên, với bộ quần áo lặn ấy, chúng tôi không cảm thấy gì cả. Trong chiều sâu ấy, ánh sáng mặt trời yếu dần, chỉ còn một màu đỏ nhạt như lúc hoàng hôn.

Bỗng Thuyền trưởng Nam Mộ dừng lại, vẫy tay chỉ về phía trước mặt nơi bóng âm u.

Tôi tự nghĩ: “Chắc đó là khu rừng Kích Bộ rồi.”

CHƯƠNG 17

KHU RỪNG DƯỚI ĐÁY BIỂN

Quả thật, tôi không lầm. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã đến bìa rừng Kích Bộ.

Đây hẳn là một khu rừng riêng biệt của Thuyền trưởng Nam Mộ, và ông ta có thể tự đắc là người đầu tiên đã tìm ra nó. Thực vậy, có kẻ nào tranh giành với ông ta khu rừng dưới đáy biển ấy? Có kẻ nào dám mạo hiểm cầm búa đến khai thác khu rừng ấy đâu?

Khu rừng này gồm có những loại cây rất lớn. mà lúc mới bước vào tôi rất ngạc nhiên. Loại cây cối và cảnh vật sống dưới một trạng thái riêng biệt chưa bao giờ từng thấy.

Không có một cọng cỏ nào mọc trên mặt đất, không một cành cây nào đâm ngay, hoặc quằn xuống. Tất cả đều thẳng đứng lên một chiều và khảng khiu như những thanh sắt. Từ cảnh nhỏ đến cảnh lớn chỉ có một chiều đứng mà thôi.

Đâu đấy im lặng. Tôi lấy tay vạch ra để đi, thì những cành cây kia tức khắc trở lại như cũ, nghĩa là lúc nào cũng giữ lấy chiều đứng.

Lần bước vào bên trong, ánh sáng dần dần xám lại, và dưới mặt đất nổi lên những khối nhọn hoặc rất khó tránh.

Tôi để ý nhận xét, các cây cối hình như cây nào gốc cũng nở phình ra rất lớn. Không thấy rễ, nhưng ở đáy nào sên, nào ốc, nào rong, nào cát bám đầy. Các cành cây đáng lẽ có lá, thì lại chỉ đâm ra những chồi non như cái lưỡi mỏng, đủ kiểu và đủ màu.

Độ một giờ trưa, thuyền trưởng Nam Mộ ra hiệu cho chúng tôi dừng lại để nghỉ. Tôi rất hài lòng, vì tôi cảm thấy đã đến lúc phải nghỉ ngơi.

Chúng tôi kẻ nằm dài trên mặt cát, kẻ dựa mình vào thân cây.

Cuộc nghỉ ngơi tuy tạm thời nhưng rất thú vị. Chỉ có điều là chúng tôi không làm sao để chuyện trò với nhau được cả.

Tôi bước lại gần Côn Sơn, nhìn vào hai cái lỗ mặt nạ bằng đồng của anh ta,

thấy đôi mắt của anh ta đang mở trao trao chứa đầy vẻ thích thú,

Lạ thay! Qua bốn tiếng đồng hồ đi dưới nước bụng tôi không thấy đói, mà chỉ thấy buồn ngủ mà thôi. Đó cũng là tình trạng chung của những người thợ lặn. Mắt tôi nặng trĩu và lần lần nhắm lại. Không còn gắng gượng được nữa, tôi nằm dài xuống mặt cát ngủ ngon lành, trong lúc ấy thuyền trưởng Nam Mộ và các bạn đồng hành cũng như tôi đều nằm sải ra ngủ một lúc.

Giấc ngủ ấy kéo dài độ bao lâu tôi không biết. Lúc tôi thức dậy mặt trời đã chen lặn, ánh sáng không còn rọi xuống đáy nước nữa, xung quanh tôi chỉ thấy lờ mờ.

Thuyền trưởng Nam Mộ ra hiệu cho chúng tôi tiếp tục lên đường.

Vừa đi được vài bước thì trước mặt tôi bóng hiện đến một con nhện biển to phi thường, bề cao hơn một thước, trở đôi mắt nhìn tôi chòng chọc. Mặc dầu bộ quần áo lặn của tôi rất dày, có thể bảo vệ được tôi trong trường hợp con thủy vật ấy dùng bộ chân ấy vớ vào mình tôi; tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy sờ sợ.

Thuyền trưởng Nam Mộ lập tức ra hiệu cho tên tùy tùng của ông ta. Tên này cầm cây dọc bước tới, giữa lúc con nhện kia đang muốn vươn mình nhảy tới vồ lấy tôi.

Chỉ một mũi dọc, và cũng chỉ trong loáng mắt, người tùy tùng của thuyền trưởng đã hạ ngay được con nhện biển không khó khăn gì.

Sự gặp gỡ bất thành linh này làm cho tôi liên tưởng đến trường hợp gặp những

con vật nguy hiểm khác. Hơn nữa, trong lúc trời tối thực khó mà đề phòng được. Tôi đoán rằng có lẽ thuyền trưởng Nam Mộ sẽ ra lệnh cho chúng tôi trở về tàu để tránh các trường hợp nguy hiểm trong lúc ban đêm. Nhưng không, ông ta vẫn tiến sâu vào rừng thẳm, trong bóng tối mỗi lúc một đen dần. Mặt cát nghiêng nghiêng chúng tôi dần dần đi sâu xuống thêm nữa.

Độ ba tiếng đồng hồ, chúng tôi đến một cái khe nhỏ, hai bên bờ dốc thẳng đứng lên. Nơi đó cách mặt nước độ một trăm năm mươi thước. Nếu bộ máy lặn của chúng tôi không tinh vi thì không thể nào xuống đến chiều sâu này được.

Xung quanh tôi lúc này không còn phân biệt gì được nữa. Tất cả đều phủ màu đen.

Tôi đang mò mẫm bước đi thì bỗng một tia sáng lóe lên sáng chói về phía trước. Tôi nhìn kỹ, và biết rằng thuyền trưởng Nam Mộ vừa mở đèn. Viên tùy tùng của ông ta cũng làm theo. Tôi và Côn Sơn mò mẫm một lúc mới xoay được chiếc đinh ốc gắn trên bình điện.

Bốn ngọn đèn vừa mở xong, ánh sáng rọi tới soi rõ các vật xung quanh với một đường kính hơn hai mươi lăm thước.

Càng đi sâu vào rừng, cây cối càng rậm rạp hơn, và những loài động vật càng nhiều hơn. Các giống mực, giống cá, đủ hình dáng uốn mình len lỏi vào các cành cây, gốc cây, thỉnh thoảng dừng lại trở mắt nhìn luồng ánh đèn chói tới. Nhiều lúc, tôi thấy thuyền trưởng Nam Mộ đang đi, bỗng dừng lại, như nhận xét một con vật gì đằng xa. Có lúc ông ta đưa

súng lên ngắm, rồi lại hạ súng xuống ung dung đi tới.

Chúng tôi đi như thế độ bốn tiếng đồng hồ nữa thì bỗng trước mặt tôi có một bức tường đá chắn ngang qua. Trong bức tường ấy có nhiều lỗ hổng đen ngòm.

Đó là chân hòn đảo Kịch Bộ, và đó cũng là giới hạn của biển và đất liền. Thuyền trưởng Nam Mộ ra hiệu cho chúng tôi dừng lại, vì ông ta không muốn bước chân đến địa phận của đất.

Chúng tôi bắt đầu trở về, nhưng không phải bằng con đường cũ. Thuyền trưởng Nam Mộ dẫn chúng tôi trở lại bằng con đường gồ ghề hơn, và cực nhọc hơn. Tôi cảm thấy như chúng tôi đang lên dốc.

Thực vậy, không đầy nửa giờ, chúng

tôi đã vượt lên gần mặt nước hơn, bề sâu chỉ còn độ mười thước. Càng lên cao, ánh đèn chúng tôi càng sáng hơn, tôi thấy vô số những loại cá đủ màu, đủ giống bơi lội thành thoi như những loại chim trên trời vậy. Tuy nhiên tôi cố để ý mà vẫn không trông thấy loại hải vật nào thuộc giống bốn chân cả.

Giữa lúc đó, tôi thấy thuyền trưởng Nam Mộ kê súng vào vai ghìm về đằng trước. Rồi tiếp theo một tiếng nổ, nước tung tóe như phủ một lớp bụi mờ. Tôi nhìn theo tầm đạn. Cách xa tới vài mươi thước, một con hải cầu nằm giãy đành đạch.

A! Té ra nơi đây có những con vật thuộc giống bốn chân mà tôi không tìm thấy! Con hải cầu rất đẹp, dài hơn một thước rưỡi, sắc lông trên lưng màu đỏ bầm, dưới bụng màu trắng. Với bộ lông

này nếu đem bán ở xứ lạnh như nước Tàu, hoặc nước Nga, thì ít ra cũng được hai ngàn phật lạng. Tôi say sưa đứng ngắm, đôi mắt nó tròn vo, râu mép trắng ngần giống như một con mèo trên đất liềm, chỉ có đặc biệt là bốn bàn chân nó có những màng mỏng như chân vịt và đuôi nó lông rất dày. Các nhà săn bắn trên mặt biển ít khi săn được loại này; do đó, giá trị của nó khá cao.

Viên tùy tùng của Thuyền trưởng bước đến đỡ con thủy vật mang lên lưng, xong chúng tôi lại tiếp tục đi nữa.

Chúng tôi đi mãi. Đôi cát trước mặt chúng tôi mỗi lúc một cao thêm và đưa chúng tôi lên gần mặt nước chỉ còn cách vài thước.

Bên trên, trời rặng sáng. Ánh nắng dần dần lóe lên ở chân trời và phản chiếu

xuống như một tấm gương. Mặt cát chúng tôi đang đi lúc bấy giờ như là lưng trời xanh, ở đó bóng mây lướt thướt trôi. Tôi có cảm giác như tôi đang đi ngược đầu xuống đất, chân trên trời vậy.

Thỉnh thoảng, vài con chim hải âu bay qua, cánh chim trắng toát rơi xuống đáy nước trông rất ngoạn mục.

Viên tùy tùng của thuyền trưởng đưa súng lên nổ một phát, chim hải âu kia tức khắc rơi xuống mặt nước, giãy đành đạch, máu loang ra một vùng trộn màu hồng nhạt.

Qua hai tiếng đồng hồ, chúng tôi mãi say sưa vẫy vùng trong tấm gương thiên tạo, quên cả cực nhọc, thì trước mặt tôi hiện đến một vệt đen ngòm, che mất màu sáng của khối nước thủy tinh, cách đó chừng nửa dặm. Đó là con tàu

Nam Tì Lũy đang chờ chúng tôi trở về.
Ồ! Vui vẻ làm sao!

Chỉ độ vài mươi phút nữa chúng tôi sẽ được lên tàu, trò chuyện với nhau cười hỉ hả và mặc sức hít những không khí trong lành, vì hiện giờ tôi cảm thấy hình như bầu không khí của tôi đã bắt đầu thiếu dưỡng khí.

Lòng tôi đang tràn ngập sung sướng thì bỗng thuyền trưởng Nam Mộ từ phía trước chạy lùi lại, đưa hai cánh tay lực lưỡng lên vật nhào tôi xuống, đè cổ tôi nằm dài trên mặt cát. Bên tôi, tên tùy tùng của thuyền trưởng cũng nhảy đến, bắt Côn Sơn đè xuống như vậy.

Tôi chưa rõ việc gì, ngẩng đầu lên, thì thấy đằng xa một khối không lồ, lù lù tiến về phía chúng tôi sáng ngời như lân tinh vậy.

Tôi rợn cả người. Máu trong người tôi hình như muốn đông lại vì cái khối khổng lồ đang tiến về phía chúng tôi là đôi cá mập, một loại cá ăn thịt người còn ghê gớm hơn loài hổ dữ trong rừng. Hai cái đuôi của nó rất lớn dựng ngược lên, bốn con mắt chói ngời, hàm răng há hốc tua tủa như những thanh sắt lớn.

May thay! Các con vật ăn thịt người này có đôi mắt không tinh vi lắm. Chúng nó đi qua, và không trông thấy chúng tôi.

Chúng tôi nằm nín thở, đợi cho chúng nó đi qua rồi, mãi mười lăm phút sau mới dám trở dậy, lần mò về phía con tàu Nam Tì Lũy.

Cánh cửa bên ngoài của con tàu đã mở sẵn để chờ đón chúng tôi. Chúng tôi bước vào. Phòng này ngập đầy cả nước. Thuyền trưởng Nam Mộ đóng cửa lại và

đưa tay bấm nút. Những vòi bơm rút lên... Chỉ một lúc sau, trong phòng đều khô ráo. Cánh cửa bên trong hé mở, chúng tôi rón sức lê sang phòng thay quần áo. Lúc bấy giờ tôi cảm thấy bộ quần áo lặn của chúng tôi quá nặng nề.

Thay quần áo xong, chẳng phải riêng tôi, mà ai nấy đều mệt mỏi, không muốn chuyện trò gì cả. Mỗi người vội vã trở về phòng mình để ngủ một giấc cho lại sức rồi sẽ hay.

CHƯƠNG 18

BỐN NGHÌN DẶM DƯỚI MẶT NƯỚC THÁI BÌNH DƯƠNG

Hôm sau, vào ngày 18 tháng mười một, lúc tôi trở dậy thì trời vừa tang tảng sáng. Thấy trong người không còn mệt nhọc nữa, tôi bước lên sườn tàu để hít gió biển.

Vừa lên đến nơi, cũng như mọi lần, viên phó thuyền trưởng đang xem xét phương hướng; ghi nhận biểu độ của các

loại đồng hồ, và nói một câu bằng thứ tiếng đặc biệt mà tôi không hiểu gì cả.

Giữa lúc đó, biểu lạng sóng yên, bốn bờ bát ngát. Không có một cánh buồm nào in dấu nơi châu trời xa. Hòn đảo Kích Bộ cũng không còn trông thấy đâu nữa, vì đêm vừa qua, con tàu đã rời bỏ nó nơi chốn xa vời. Mặt biển phản chiếu ánh nắng yếu ớt của ban mai một màu xanh nhạt, trộn lẫn trên mặt sóng lấm tấm những vệt vàng sáng ánh.

Trong lúc tôi đang say sưa ngắm cảnh đẹp ấy thì thuyền trưởng Nam Mộ bước đến. Thấy tôi đứng đó, nhưng ông ta vẫn thản nhiên đưa ống dòm quan sát khắp bốn phía chân trời; đoạn chống tay vào lan can tàu nhìn ra mặt biển.

Chẳng bao lâu, từ dưới hầm tàu, một đoàn thủy thủ chừng lối vài mươi người,

lần lượt kéo lên, người nào người nấy thân hình lực lưỡng, bắp thịt nở nang, trông mạnh bạo phi thường.

Họ leo lên sườn tàu để kéo các mảnh lưới mà họ đã bủa trong đêm vừa qua.

Những người này thuộc vào loại dân tứ xứ góp lại, phần nhiều là người Âu Châu. Trong số đó, nếu tôi không lầm thì có hai người Ái Nhĩ Lan, một số người Pháp, một số người Hy Lạp. Tuy nhiên họ rất ít nói, hoặc chỉ nói những thứ tiếng riêng của họ, do đó tôi không thể lân la để làm quen với họ được.

Mảnh lưới được kéo lên tàu. Đó là một loại lưới bẫy giống như loại lưới của các người đánh cá trên bờ biển Nột Măng. Đằng trước là miệng lưới, nổi lên một hàng phao để giữ cho miệng lưới lúc nào cũng há hốc. Đằng sau là cái đáy

để nhốt những vật và những con vật đã quét được dưới đáy biển. Muốn kéo lưới, người ta chỉ cần cột một sợi xích thật chắc, thả lưới xuống biển, để cho con tàu kéo đi, mãi đến sáng, người ta mới vớt lên.

Hôm ấy, mảnh lưới kéo được rất nhiều loại cá nhao, vảy chói ngời đủ màu sắc, một ít loại cá hói râu ria dài đuồn đuột, một số cá đao, trên lưng có những chiếc sừng con, cứng và nhọn hoắt, v. v... Ngoài ra, còn có một số cá thu rất lớn, mình dài hơn một thước, bị lưới kéo quá mạnh nên nằm rạp trong đáy.

Các thủy thủ đưa cả lên tàu, lựa ra từng loại. Có loại dùng để ăn tươi, có loại phải muối đi, để giữ cho khỏi ươn.

Khi họ làm xong, họ mang cả xuống hầm tàu.

Tôi cảm thấy việc đánh cá và việc đổi không khí cho con tàu đã xong đoán chừng đã đến lúc con tàu sắp lặn xuống đáy biển, nên vội vàng trở gót về phòng.

Thuyền trưởng Nam Mộ vẫn còn đứng đó, mắt mơ màng trong cõi xa xăm. Ông ta thấy tôi toan bước xuống thang tàu, vội gọi lại, nói:

– Ông Giáo sư ơi! Ông trông mặt biển kia. Nếu nó có những lúc phần nộ thì nó lại cũng có những lúc êm đềm đáng mến. Đêm vừa rồi, nó cũng yên giấc như chúng ta, và hiện giờ nó cũng mở bừng mắt dậy đầy vẻ khoan khoái.

Tôi đưa mắt nhìn thuyền trưởng. Về mặt ông ta bình thản. Bắt đầu câu chuyện, ông ta không cần một lời hỏi han, hình như ông ta đã nói chuyện với tôi từ lâu vậy.

Tôi chưa kịp trả lời thì ông ta đã nói tiếp:

– Ông xem đấy. Mặt biển thức dậy dưới sự vuốt ve của ánh nắng mặt trời, và nó bắt đầu sống lại giữa cảnh náo nhiệt của ban ngày. Tôi có cảm giác nó cũng là một sanh vật có đủ các huyết quản như một động vật vậy.

Nói đến đây, thuyền trưởng Nam Mộ dừng lại, nhưng không phải để đợi tôi trả lời, mà để tự mình gợi ra một cảm giác nào khác.

Rồi ông ta nói tiếp:

– Thật vậy, biển cả có một sự tuần hoàn rất vĩ đại, vũ trụ đã ban cho nó một nhiệt tạnh, một chất mặn và giống vi động vật. Về nhiệt tạnh giúp cho nước biển tạo nên những dòng hải lưu có thể

di chuyển từ vùng này qua vùng khác, và thường xuyên làm cho các lớp nước khác nhiệt độ; thay đổi nhau từ dưới lên trên, và từ trên xuống dưới không ngừng. Cứ lớp nước trên mặt biển, bị mặt trời nung đốt, chìm lắng xuống đáy biển, hấp hơi lạnh rồi lại trở lên mặt biển, và cứ thế mãi mãi. Hiện tượng ấy nơi vùng cực tuyến ông trông thấy rõ nhứt, và ông cũng sẽ hiểu cái lợi tại sao luật vũ trụ không cho phép sự tuần hoàn của nước biển được nghỉ ngơi.

Câu nói ấy làm cho tôi ngạc nhiên, và nghĩ thầm: “Có lẽ ông ta dự tính đưa chúng tôi đến vùng cực tuyến sao?”

Ngừng một lúc, thuyền trưởng nói tiếp:

– Về phần chất mặn thực là một số lượng đáng kể. Ông nên biết rằng, nếu

chúng ta lấy ra nguyên chất của nó, nó sẽ đọng lại thành một khối khổng lồ ước bốn triệu rưỡi dặm vuông. Với khối khổng lồ ấy, nếu đem rải trên mặt đất liền thì nó sẽ có một chiều cao độ mười thước. Tuy nhiên, ông đừng cho rằng vũ trụ sanh ra chất mặn ấy là vô ích. Chính nhờ chất mặn ấy làm cho nước biển không bị bốc lên quá nhiều, làm cho điều hòa khí hậu ở vùng nhiệt đới. Đó, nhiệm vụ của nó đối với loài người quan trọng như vậy thực cũng quý hóa lắm chứ!

Nói dứt lời, thuyền trưởng đứng lên, đi đi lại lại trên sườn tàu một lúc rồi lại đến bên tôi nói tiếp:

– Về phần giống chính trùng, tức là giống vi động vật cứ một giọt nước nhỏ có hàng triệu con, và phải hơn tám trăm ngàn con mới cần nặng được một ly gam. Nhiệm vụ của giống vi động

vật này cũng không phải là không quan trọng. Nó hút chút chất nguyên tố đặc của nước, tạo nên giống san hô và loại thạch tâm mà chúng ra thường thấy. Cứ mỗi giọt nước bị giống vi động vật hút mất chất mặn, trở nên nhẹ đi, nổi lên trên mặt nước hòa với chất mặn mà hơi nước bốc đi còn lại, để trở nên mặn và nặng hơn, rồi lại chìm xuống đáy biển để cung cấp thực phẩm cho loại vi động vật. Do đó, sự vận chuyển của nước biển từ trên xuống dưới, và từ dưới lên trên do hai yếu tố ấy cứ tiếp tục mãi chẳng bao giờ dứt. Đó là một nguồn sống của tôi vậy!

Với câu nói ấy, vẻ mặt thuyền trưởng như có một cái gì cảm động lắm. Ông ta nín thinh một lúc, đôi mắt đắm chiêu về phía trời xa, hơi thở không đều, rồi nói tiếp:

– Vì vậy, chỉ có cuộc sống nơi bể cả mới là cuộc sống trường tồn! Tôi sẽ xây dựng dưới đáy biển những lâu đài, biệt thự, phố xá và cũng như con tàu Nam Tị Lũy, tôi sẽ đưa lên mặt biển mỗi buổi sáng để lấy không khí. Nhưng biết đâu, nếu có sự áp bức nào...

Nói đến đây. Thuyền trưởng nín bật, vẫy tay rất mạnh về phía tôi như để xua đuổi một ám ảnh nào không được tốt đẹp trong lòng vậy.

Đoạn ông ta nói sang việc khác:

– Nay ông Long Đắc, ông có biết được bề sâu của một vài nơi trong đại dương chưa?

– Thưa Thuyền trưởng, tôi có biết được một vài nơi theo tin tức của các máy dò đã thu lượm được.

– Vậy ông có thể kể cho tôi nghe để tôi so sánh với sự hiểu biết của tôi được chăng?

– Thưa Thuyền trưởng, tôi chỉ kể qua trí nhớ của tôi mà thôi. Nếu tôi không lầm thì người ta đã dò biết được chiều sâu của phía nam Đại tây dương lối tám ngàn hai trăm thước, nơi Địa trung hải hai ngàn năm trăm thước. Đặc biệt là ở phía nam Đại tây dương chiều sâu có nơi quá mười bốn ngàn thước. Nói tóm lại nếu bỏ đồng các đáy biển chiều sâu bằng nhau thì trung bình hơn bảy cây số ngàn. Thuyền trưởng Nam Mộ mỉm cười, đáp:

– Đúng vậy. Tôi hy vọng sẽ cho ông được biết tường tận hơn nữa. Về chiều sâu của Thái bình dương, ông sẽ thấy, chỉ có bốn ngàn thước mà thôi. Nói xong, Thuyền trưởng Nam Mộ bước xuống

cầu thang, trở về phòng. Tôi cũng vội vã bước theo. Các chong chóng con tàu bắt đầu cử động và đồng hồ tốc độ chỉ hai mươi dặm một giờ. Thế là con tàu Nam Tị Lữ lại tiếp tục tung hoành dưới mặt sóng xanh.

* * *

Mấy tuần trôi qua, tôi không gặp Thuyền trưởng Nam Mộ đâu cả. Người phụ trách của ông ta vẫn tiếp tục cho con tàu chạy theo các điểm đã ghi sẵn trên bản đồ.

Côn Sơn và Nễ Lang hàng ngày thường đến phòng của tôi chơi. Côn Sơn kể lại cho Nễ Lang nghe cuộc du lịch trong khu rừng dưới đáy biển vừa rồi. Nễ Lang hối tiếc vì đã không đi theo

chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn còn hy vọng sẽ có dịp tái diễn những cuộc du lịch như thế.

Cứ hàng ngày, chừng độ vài giờ, cửa sổ hông tàu nơi phòng khách mở ra, và chúng tôi được dịp xem không biết chán những cái kỳ quan dưới đáy biển.

Hướng chính mà con tàu Nam Tị Lũy đang chạy là hướng đông nam, với chiều sâu năm mươi thước. Tuy nhiên, có một hôm chẳng hiểu sao, con tàu lại lặn xuống đến hai ngàn thước. Hàn thử biểu chỉ 4° 25.

Qua đến ngày 26 tháng mười một, con tàu vượt qua hạ chí tuyến 172° kinh tuyến. Ngày 27, con tàu chạy ngang qua dãy cù lao Sanh Bích, nơi mà bậc vĩ nhân Cốc (Cook) đã từ trần vào ngày 14 tháng hai năm 1779. Đến đây, tính từ điểm khởi

hành, chúng tôi đã vượt quá bốn ngàn tám trăm sáu mươi dặm.

Một buổi sáng, tôi leo lên sườn tàu trông thấy cách con tàu vài dặm, quần đảo Hải Uy (Hawaii) lồ nhố bay đỉnh núi chạy dài đối diện với các dãy núi xa mờ nơi bờ bể, chiều cao cách mặt biển hơn năm ngàn thước. Con tàu Nam Tị Lũy phải vượt qua các quần đảo này.

Thật vậy, ngày 1 tháng mười hai, con tàu bắt đầu vượt qua đường xích đạo cách vĩ tuyến đông nam 142°. Nơi đây có mũi Mạt Tinh (Martin) thuộc quần đảo Hy Va (Nouk Hiva) là vùng thuộc địa của nước Pháp. Tôi ước được con tàu ghé lại gần đây, nhưng thuyền trưởng Nam Mộ không muốn, vì ông ta không thích đến gần các vùng đất liền.

Tại vùng này, đoàn thủy thủ kéo lưới

bắt được rất nhiều loại cá quý, như loại cá hao, vi xanh, đuôi đỏ, thịt ăn rất ngon; loại cá nhược, tuy nhiều vảy nhưng thịt ăn rất thơm, và nói chung là tất cả các loại cá mà các tay chài lưới rất thích.

Ngày 4 đến ngày 11 tháng mười hai, sau khi vượt khỏi vùng đảo này, con tàu tăng tốc lực lên hai dặm một giờ. Ngoạn mục nhất là ở đây con tàu gặp rất nhiều loại mực, loại sò ốc đủ cỡ và đủ hình dáng. Các nhà ngư nghiệp Pháp đặt tên loại này là loại “mọc sùng”. Nó giúp cho các nhà vạn vật học rất nhiều tài liệu khảo cứu. Hơn nữa, nó cũng là một món ăn sang trọng của những nhà giàu nơi địa phương ấy.

Vào đêm 9 rạng ngày 10 tháng mười hai, từng đoàn mực và sò ốc lũ lượt kéo nhau đi, mỗi đoàn hàng mấy triệu con, dẫn đầu là những con cá mòi và cá trích.

Có lẽ chúng đang di cư qua các vùng khí hậu nóng hơn. Chúng tôi nhìn qua làn kính dày nơi cửa sổ ở hông tàu mặc dầu tốc độ con tàu Nam Ti Lũy rất nhanh, song hàng mấy tiếng đồng hồ vẫn chưa qua khỏi các đoàn mực và sò ốc ấy.

Cuộc hành trình của con tàu ở vùng này giúp chúng tôi không chán mắt. Mọi cảnh lạ cứ luôn luôn thay đổi và diễn biến mãi những cái huyền bí của vũ trụ nơi đáy biển.

Suốt ngày 11 tháng mười hai, tôi bận đọc sách nên ở mãi trong phòng, chỉ còn có Côn Sơn và Nễ Lang túc trực nơi cửa sổ mà thôi. Con tàu vẫn lắc lư với tốc độ bình thường dưới chiều sâu một ngàn thước. Với chiều sâu này những loại cá nhỏ không còn nữa, thỉnh thoảng chỉ xuất hiện một vài loại cá lớn.

Giữa lúc tôi đang say sưa đọc quyển “Người đẩy tớ trung thành của dạ dày” của Jean Macé viết qua các bài khảo cứu rất tinh vi, thì bỗng có tiếng Côn Sơn la lên:

– Ô! Ông hãy mau đến đây xem cái này!

Tôi hỏi vội:

– Cái gì thế, Côn Sơn?

– Thưa ông, ông đến đây mà xem.

Tôi bỏ sách xuống, đến gần bên cửa sổ nhìn ra. Trong ánh đèn điện chiếu mờ mờ, có một khối gì đen sì, không cử động, đang trầm mình trong nước. Tôi chú ý nhìn, cố tìm hiểu vật ấy là thứ gì. Bỗng tôi buột miệng la lên:

– Hình như một chiếc tàu!

Nễ Lang nói:

– Đúng vậy. Một chiếc tàu hư bị đắm.

Nễ Lang quả không lầm! Chúng tôi đang đứng trước một con tàu mà các dây buồm vừa đứt tua tủa phất phơ trong nước. Vỏ tàu hình như còn tốt chứng tỏ con tàu mới vừa bị chìm chưa quá hai tiếng đồng hồ. Các cột buồm đều bị gãy. Con tàu nằm nghiêng về một bên, nước tràn đầy. Đáng buồn hơn nữa, trên sân cầu có vài ba xác chết, tay còn nắm những mối dây, chứng tỏ vừa rồi, họ đã dùng tận lực để chiến đấu với tử thần, nhưng bị tuyệt vọng.

Tôi nhìn kỹ, thấy tất cả có bốn người. Trong đó có một người đã chết mà vẫn còn ôm tay lái, và một người đàn bà, lộ ra nửa mình tay ôm đứa con thơ, Người đàn bà còn trẻ. Tuy chìm trong nước,

nhưng nhờ có ánh sáng con tàu Nam Tị Lũy chói tới, tôi có thể thấy rõ từng nét mặt.

Ôi! Một cảnh bi đát, hãi hùng! Chúng tôi đứng lặng câm, không ai nói được nửa lời, tim chúng tôi hồi hộp trước những xác chết đáng thương kia, và tư tưởng chúng như sắp phải mục kích những con cá mập, mặt nẩy lửa, vươn mình tới để vồ những miếng mồi ngon vậy!

Giữa lúc đó, con tàu Nam Tị Lũy bớt tốc độ rồi chạy mấy vòng quanh chiếc tàu bị đắm, nhờ đó mà tôi đọc được bảng hiệu đằng sau con tàu:

XUÂN ĐỨC LANG

(Sunderland)

CHƯƠNG 19

HOA NHĨ LỘ (VANIKORO)

Cảnh bi đát này mở đầu cho vô số các cuộc gặp gỡ đau thương sau này. Trên đường di chuyển của con tàu Nam Tị Lũy, chúng tôi thường gặp vỏ tàu bị mục nát, và dưới nào là súng, đạn, nào là dây neo, và nói chung hàng ngàn loại vật bằng sắt bị rỉ sét trong nước biển.

Tuy nhiên, lúc nào chúng tôi cũng

dính liền với con tàu Nam Tị Lũy, và buộc lòng phải coi những thảm cảnh ấy như những cái ngoài đời sống của chúng tôi.

Ngày 11 tháng mười hai, con tàu chúng tôi đến quần đảo Mộ Tú (Pomotou). Quần đảo này bao quanh một vùng rộng ước năm trăm dặm, bắt đầu từ hòn Dụ Xi (Ducie) đến hòn Da Rếp, giữa vĩ độ phía nam $13^{\circ}30'$ và $23^{\circ}50'$ và giữa kinh độ phía tây $125^{\circ}30'$ và $151^{\circ}30'$. Đó là một quần đảo lớn nhất ở vùng này, gồm có hơn sáu mươi vùng đảo nhỏ kết hợp lại. Trong các vùng đảo nhỏ ấy có vùng đảo Gam Bia (Gambier là thuộc địa của nước Pháp). Các hòn đảo này do chất san hô kết thành, nó nổi lên một cách chậm chạp nhưng vẫn tiếp tục không ngừng, do công sức của loài bửu mẫu tạo thành chất san hô ấy. Và, cứ như thế, tôi

hy vọng đến một ngày kia các vùng đảo đó sẽ nối liền nhau tạo thành một giải đất liền trên lục địa.

Một hôm, tôi đem lý thuyết ấy tỏ bày với thuyền trưởng Nam Mộ, ông ta lạnh lùng đáp:

– Nếu có trở thành một vùng đất mới thì nó cũng phải thuộc quyền của một loài người mới!

Ồ! Ý kiến của ông ta thật lạ lùng làn sao!

Do sự ngẫu nhiên, con tàu lại đưa chúng tôi đến gần đảo Hòn Sấm (Clermont Tonnerre). Đó là một hòn đảo đẹp nhất trong vùng do thuyền trưởng Ben (Bell) đã khám phá vào năm 1822. Với vùng đảo này tôi phải nói đến sự màu nhiệm của chất thạch tâm do một chất

vôi động cứng lại lần hồi đắp thành núi. Do đó, sự phát triển không ngừng, cấu tạo từ đảo này đến đảo khác.

Cũng như quần đảo Mộ Tú, vùng đảo Hòn Sấm cùng nổi lên thành một cái vòng tròn, ở giữa có một vũng nước nhỏ. Mặt nước nổi lên một bức tường cao sừng sững. Đặc biệt là nơi đây có một chiều sâu đáng kể.

Khi con tàu Nam Tị Lũy nổi lên mặt biển, tôi bước ra ngoài sườn tàu để ngắm hòn đảo này. Tuy nó là một số đá vôi chống chất nổi lên nhưng lâu ngày bão tố đã mang cát bụi ở vùng xa xăm đem đến đóng vào đáy từng lớp rất dày nên trông nó đã nhẵn nhụi.

Tôi tự nghĩ: “Một ngày kia, nếu có một vài thứ hạt nào ở các vùng lân cận bay đến, rớt trên lớp đất ấy sẽ mọc lên

vài thứ cây. Cây ấy lớn lên và sanh sản thêm trở thành một hòn đảo um tùm, có suối nước, có quả tươi. Chim chóc sẽ đến đây làm tổ, loài rùa biển sẽ vào đó đẻ trứng, rồi loài người đến đó lập nghiệp! Ô! Đó là cả một công trình kiến tạo lớn lao của giống vi trùng tí hon kia, mà loài người ít khi nghĩ đến.”

Chiều hôm ấy, đảo Hòn Sấm mờ lặn trên đường đi của con tàu Nam Tỵ Lũy. Sau khi qua khỏi chí tuyến Ma Kết (tropic du Capricorne), con tàu hướng về phía tây bắc, vào vùng nhiệt đới. Mặc dầu nơi đây ánh nắng gay gắt, chúng tôi không cảm thấy một sức nóng nào cả, vì chúng tôi đang ở ba, bốn mươi thước dưới mặt nước, và khí hậu không quá mười hai độ.

Ngày 15 tháng mười hai, chúng tôi qua vùng đảo Hiệp Hội (archipel de la

Société) và hòn cù lao Thả Hỷ (Tahiti), một hòn cù lao rất đẹp mà người ta gọi là bà chúa của Thái Bình dương. Ở đó, nước trong và xanh rờn, có nhiều loại cá đẹp như loại cá sòng, cá úc, v.v...

Sau khi đã vượt qua chín ngàn bảy trăm hai mươi dặm, con tàu chúng tôi tới quần đảo Ta Bu (Tabou) nơi mà các đoàn thủy thủ của con tàu Bến hoàng gia (Port au Prince) và con tàu Phô Lang đã lâm nạn, Kế đến quần đảo Hàng Hải (Navigateurs), nơi mà thuyền trưởng của con tàu Lang Ghe bạn của ông Bê Ru đã bỏ mạng. Rồi đến quần đảo Vi Ti (Viti) nơi mà giống người rừng đã ăn thịt đoàn thủy thủ và viên thuyền trưởng Vũ Rô trên con tàu Năng Tơ.

Quần đảo này chạy dài từ nam chí bắc ước trăm dặm, và từ đông chí tây ước chín mươi dặm, nằm vào vĩ tuyến

phía nam giữa 6 và 2 độ, và vào kinh tuyến phía tây giữa 174 và 179°. Nó gồm có một số đảo nhỏ hợp lại như những hòn Vi Ti Lệ Vươn (Viti Levou), những hòn Hoa Nở Lệ vươn (Vanoua Levou) và hòn Căn Dũ Bốn (Kadubon).

Chính ông Tất Mạch (Tasman) đã tìm thấy quần đảo này vào năm 1643, mà cũng là năm mà ông Tốt Sư Lý (Torricelli) chế ra được đồng hồ địa bàn, và cũng là năm mà vua Lu Y thứ mười bốn vừa lên ngôi. Tôi có cảm nghĩ rằng ba việc cùng xảy ra trong năm ấy đem lại ích lợi cho loài người không ít.

Kế đến là đảo Cốc (Cook) được tìm thấy vào năm 1714, đảo Trung Tế (Eatrecaste:ux) tìm thấy vào năm 1793, và cuối cùng là đảo Dũ Mông tìm thấy vào năm 1827 nơi vùng này.

Qua khỏi các quần đảo ấy, con tàu đến vịnh Hoa Lá (Vailea) nơi mà thuyền trưởng Di Long (Dillon) người đầu tiên tìm ra cái chết bí hiểm của ông Bê Ru.

Vịnh này rất gồ ghề và nhiều hang hốc. Ở đó vô số các giống sò đủ loại. Loại sò này ăn rất ngon. Trên giải cát trắng xóa, người ta trông thấy lao nhao không biết bao nhiêu mà kể.

Đã tám hôm liền tôi không trông thấy thuyền trưởng Nam Mộ đâu cả. Tuy nhiên, giữa lúc tôi đang dò theo dõi đường đi của con tàu Nam Tị Lũy thì ông ta bước vào, đến bên tôi, chỉ vào một điểm trên bản đồ và nói:

– Hoa Nhĩ Lộ.

Đó là tên của một vùng đảo mà những con tàu của ông Bê Ru đã bị đắm nơi đó.

Tôi vội vã đứng dậy, hỏi:

– Con tàu đã đưa chúng tôi đến vùng đảo Hoa Nhĩ Lộ?

– Đúng vậy.

– Bao giờ thì chúng ta đến Hoa Nhĩ Lộ?

– Ngay bây giờ.

Tôi bước theo thuyền trưởng lên sườn tàu, đưa mắt nhìn bốn phía chân trời.

Về phía đông nam có nổi lên hai hòn đảo không bằng nhau, xung quanh có bao một bức thành tròn bằng san hô dài ước bốn mươi dặm.

Đúng là chúng tôi đang đứng trước hòn Hoa Nhĩ Lộ rồi. Vùng đảo này cách vĩ tuyến phía nam $16^{\circ}4'$ và kinh tuyến

phía đông $164^{\circ}32'$, từ bãi cát đến đỉnh núi, cây cối um tùm.

Sau khi con tàu Nam Tị Lũy vượt qua bức tường san hô bên ngoài, từ từ bớt tốc lực, len lỏi vào gần các hòn đảo ấy. Nơi đây chiều sâu của nước biển ước độ bốn mươi sải tay.

Thuyền trưởng Nam Mộ quay lại hỏi tôi có biết gì về cuộc đắm tàu của ông Bê Ru không?

Tôi đáp:

– Thưa ông, điều đó mọi người ai cũng biết.

Bằng một giọng hơi ngạo nghễ, ông ta nói tiếp:

– Ông thử kể cho tôi nghe những cái mà ai cũng biết đó được chăng?

– Thưa ông, điều đó rất dễ.

Tôi bắt đầu kể lại cho ông ta nghe, căn cứ các tài liệu sau cùng và xác đáng nhất:

« Ông Bê Ru tức thuyền trưởng con tàu Lang Ghe và người tùy tùng của ông ta, được nhận sứ mệnh của vua Lu-Y thứ mười sáu đi chu du thế giới bằng đường hàng hải. Cả hai đáp con tàu Địa Bàn (la Boussole), và con tàu Tinh Tú (l'Astrolabe), nhưng biệt tích, không trở về.

Năm 1791, Chính phủ Pháp lo ngại cho số phận hai con tàu đó bèn phái hai chiếc ngư lôi hạm lớn là chiếc Sư Tầm (la Recherche) và chiếc Hy Vọng (l'Espérance) theo dõi tông tích hai con tàu trên.

Ngày 8 tháng mười một, dưới quyền

điều khiển của Ân Kiệt Tô (Bruni d'Entrecasteaux), hai chiếc ngư lôi hạm rời bến Bơ Rét (Brest). Hai tháng sau, được tin rằng có nhiều mảnh tàu vỡ trôi giạt nơi vùng Tân Rọt Ri (Nouvelle Georgie) nhưng Ân Kiệt Tô cho rằng những mảnh tàu đó không phải là của hai con tàu mà ông ta đang đi tìm, vì vậy ông ta vẫn cho con tàu mình tiếp tục qua vùng đảo Đô Đốc (les Îles de l'Amirauté).

Cuộc tìm kiếm này rất gian nan và nguy hiểm, vì kết quả đã làm thiệt mạng ông An Kiệt Tô và nhiều tùy tùng, nhưng không đem lại một kết quả nào.

Mãi sau đó, thuyền trưởng Di Long (Dillon), một tay lão luyện trên đường hàng hải Thái Bình dương mới tìm ra một vài vết tích trong các cuộc đắm tàu ấy.

Ngày 15 tháng năm, năm 1821 con tàu ông ta qua đảo Ti Cô Ba (l'île de Tikopia), một hòn đảo ở vùng Tân Hê Bích (Nouvelles Hébrides), có một khách thương thuyền người Ấn Độ bán cho ông ta một thanh gươm cán bằng bạc có chạm chữ nổi. Người thương thuyền này có kể rõ là thanh gươm ấy trước đây sáu tháng người ta lượm được của hai người Âu, đắm tàu nơi hòn Hoa Nhĩ Lộ. . .

Với tin này, Di Long dự đoán là con tàu của ông Bê Ru đã bị đắm. Ông ta cho tàu đến đảo Hoa Nhĩ Lộ để tìm hai xác con tàu hư kia. Nhưng thời gian qua đã chôn vùi cả vết tích.

Đó là những lời mà tôi kể lại với Thuyền trưởng Nam Mộ.

Sau khi tôi kể xong, thuyền trưởng nhìn tôi hỏi:

– Thế nghĩa là người ta không hiểu có một con tàu thứ ba cũng bị đắm nơi Hoa Nhĩ Lộ sao?

– Người ta không rõ.

Thuyền trưởng Nam Mộ không nói gì cả, lấy tay ra dấu bảo tôi theo ông ta xuống hầm tàu, đoạn ông ta cho con tàu lặn xuống mặt nước độ vài thước và mở cánh cửa kính nơi phòng khách ra.

Tôi theo ông ta đến trước cửa kính. Ở đó, qua làn nước biển, trên mặt cát ngồn ngang những mảnh tàu vụn, nào là dây neo, súng đại bác, nào là các dây buồm đã mục.

Thuyền trưởng nhìn tôi nói với giọng chắc chắn:

– Ông Bê Ru xuống tàu vào ngày 7 tháng mười hai, năm 1785 với hai con

tàu Địa Bàn và Ngôi Sao. Trước hết, ông ta bỏ neo ở đảo Bộ Lý (Bonaty) để dạo chơi trên các vùng đảo Bạn Hữu (archipeldes Amis). Sau đó ông đến vùng Hoa Nhĩ Lộ. Vừa đến đó thì con tàu Địa Bàn đi trước, bị chạm phải bờ biển phía nam, nên con tàu bị đắm. Con tàu Ngôi Sao đi sau, hay được tin đến cứu, nhưng cũng bị đắm luôn. Tuy nhiên, con tàu Ngôi Sao còn có thể nổi lên mặt nước vài ngày vì vậy các người trên tàu có thể thoát chết được. Họ ghé vào đảo lấy các mảnh vụn của hai con tàu bị đắm, tạo thành một con tàu khác, nhỏ hơn. Tàu đóng xong, một số thủy thủ tình nguyện ở lại đảo Hoa Nhĩ Lộ, còn một số, đau yếu, theo ông Bê Ru ra đi. Họ đi về hướng đảo Xa Lô Mông rồi bị chìm ở đấy cả người lẫn tài sản.

Tôi nghe nói, hoảng hốt, la to:

– Tại sao ông có thể biết rành rẽ như vậy?

– Đây là nơi mà tôi đã tìm được chỗ chiếc tàu thứ ba bị đắm.

Nói xong, Thuyền trưởng Nam Mộ lấy ra một chiếc hộp bằng sắt trắng, có khắc huy hiệu võ bị Pháp. Ông ta mở ra. Tôi thấy trong đó có một xấp giấy đã vàng nhưng chữ còn có thể đọc được.

Đó là xấp tài liệu của bộ Hàng hải Pháp giao cho ông Bê Ru, ngoài lề có lời phán do tay vua Lu-Y thứ mười sáu viết.

Tôi ngơ ngác. Thuyền trưởng Nam Mộ mỉm cười, nói tiếp:

– À! Đó là một cái chết êm đềm nhứt của các nhà Hàng hải. Năm mồ của họ sẽ là những năm mồ bằng san hô dưới đáy

biển, ngàn thu yên giấc. Tôi và các bạn
tôi cũng sẽ có cái chết không khác mấy.

CHƯƠNG 20

EO BIỂN “TỌT” (Torres)

Đêm 27 rạng ngày 28 tháng chạp, con tàu Nam Tị Lũy mở hết tốc độ rời khỏi đảo Hoa Nhĩ Lộ; những trang sử bi đát trong lòng tôi trên hòn đảo ấy cũng mờ dần.

Ba ngày liền, con tàu chạy về hướng Tây nam, vượt qua bảy trăm năm mươi dặm.

Ngày 1 tháng giêng năm 1868, tôi gặp Côn Sơn trên sườn tàu, lúc tàu đang nổi lên mặt bể để đổi không khí.

Côn Sơn, nét mặt trầm tư, nhìn tôi, nói:

– Thưa ông, hôm nay đầu năm, tôi đến chúc mừng ông năm mới.

Tôi mỉm cười, nhìn anh ta, đáp:

– Chúc tụng mà làm gì, hờ anh Côn Sơn? Nếu ở Ba Lê, tôi sẽ cảm ơn anh lắm, nhưng chúng ta đều dẫn thân trên bước đường vô định này thì điều ấy không nên quan tâm. Tuy nhiên, tiện đây tôi thử hỏi anh trong hoàn cảnh này, năm mới đến, anh có cảm giác như thế nào?

Côn Sơn cũng cười, và đáp:

– Thưa ông, tôi không biết gì để nói

cả. Tôi chỉ biết rằng, sống qua hai tháng nơi đây, chúng ta trải qua rất nhiều điều lý thú. Chúng ta không còn thì giờ nào để nghĩ đến việc buồn bã. Có lẽ hoàn cảnh này trọn đời chúng ta không thể nào gặp lại được.

– Đúng vậy, Côn Sơn ạ! Chúng ta không đời nào có thể may mắn gặp lại cơ hội này.

– Vì thế, tôi chỉ xin chúc cho ông năm mới này sẽ còn mục kích được nhiều cái lạ lùng, lý thú hơn.

– Vâng. Tôi cũng mong ước cho chúng ta được như vậy. À! còn Nễ Lang, năm mới, cảm giác của anh ta như thế nào?

– Về phần Nễ Lang, anh ta nghĩ khác. Hoàn cảnh hiện tại không làm cho anh ta

thỏa mãn. Cả ngày chỉ nhìn ngắm những cảnh đẹp và ăn uống, anh ta không thích. Anh ta cần phải có rượu, có thịt, có bít-tết thì mới cho là sung sướng.

– Theo tôi tưởng, chúng ta sống như vậy cũng là đầy đủ lắm rồi. Các thức ăn dưới tàu cũng đủ làm cho chúng ta khoan khoái.

– Vâng, tôi cũng nghĩ thế. Chỉ có Nễ Lang là nghĩ khác hơn mà thôi. Tôi tưởng cứ sống mãi như vậy cũng có ngày anh ta tìm cách bỏ trốn.

Nói đến đây, Côn Sơn chào tôi, trở về phòng.

Đến ngày 2 tháng giêng, con tàu chúng tôi đã vượt quá mười một ngàn ba trăm bốn mươi dặm, tính từ điểm khởi hành nơi biển Nhật Bản.

Nơi đây thuộc vùng đông bắc bờ bể Úc châu, một vùng rất nhiều san hô; vì vậy, để tránh trở ngại cho các chong chóng, con tàu phải lặn sâu xuống hơn hai dặm.

Hai hôm sau, con tàu qua khỏi vùng San hô ấy. Và, ngày 4 tháng giêng chúng tôi đến đảo Ba Phú Sĩ (Papouasie).

Thuyền trưởng Nam Mộ cho tôi biết con tàu sắp qua eo biển Tọt là nơi ngăn cách giữa hai đại dương ấy.

Eo biển Tọt, một nơi khá nguy hiểm, hai bên có đá gò ghề, lởm chởm. Dọc bờ biển lại có nhiều giống người man rợ thường xuất hiện để uy hiếp, giết chóc các thủy thủ. Nó chia cách, một bên là hòn đảo Tân Hòa Lan (Nouvelle Hollande), một bên là hòn đảo Ba Phú Sĩ (Papouasie), hòn này cũng còn có tên là

Tân Ghi Nê (Nouvelle Guinée)

Hòn Ba Phú Sĩ dài hơn bốn trăm dặm, rộng hơn ba mươi dặm, diện tích ước độ bốn mươi dặm vuông, ở vào giữa vĩ độ phía nam $0^{\circ}19'$ và $10^{\circ}2'$, kinh độ $128^{\circ}23'$ và $146^{\circ}15'$. Vùng đất này do người Bồ Đào Nha tìm thấy đầu tiên vào năm 1520. Đó là nơi của một giống mọi da đen chiếm cứ mà các nhà hàng hải đều cho là nơi tử địa, vì nó xảy ra lắm việc chết chóc, chỉ có kẻ nào gan dạ lắm mới dám đặt chân đến.

Eo biển Tọt rộng chừng lối ba, bốn mươi dặm. Tuy nhiên, dưới mặt nước nổi lên rất nhiều những tảng đá ngầm, những hòn cù lao nhỏ, tàu bè thực khó mà đi lại được bình yên.

Do đó, Thuyền trưởng Nam Mộ cho con tàu Nam Tị Lũy qua eo bể này rất

cẩn thận. Ông ta cho tàu nổi lên mặt biển, tiến tới từ từ, cánh quạt đập nước rất chậm.

Thừa cơ hội ấy, tôi, Nễ Lang và Côn Sơn leo cả lên sườn tàu để xem cảnh vật.

Sóng nước đập dềnh, tua tủa bắn lên hai sườn tàu trắng xóa.

Nễ Lang nheo mắt nói:

–Ồ! thật là một eo bể nguy hiểm, đáng sợ.

Tôi nói:

– Đúng vậy. Chỉ có con tàu Nam Tị Lũy mới có gan mạo hiểm như vậy.

Nễ Lang nói:

– Tuy nhiên, cũng phải cẩn thận lắm mới được. Ông trông kia từng đồng san

hồ, từng đồng đá ngầm loi ngoi dưới mặt nước, nếu không khéo bị nguy hiểm ngay.

Thật vậy, chúng tôi đang đứng trước một cuộc mạo hiểm khá quan trọng. Con tàu lúc quay qua, lúc trở lại len lỏi tránh những tảng đá ngầm như đang chực sẵn để chọc thủng con tàu. Nếu thuyền trưởng Nam Mộ không khéo léo, hoặc có một phút lơ đãng nào, con tàu sẽ vỡ tung ra từng mảnh, hoặc nếu con tàu có chắc lắm thì cũng phải bị đắm.

Vào lúc ba giờ chiều, mặt nước nổi cao, con tàu ghé gần đảo cách bờ biển chỉ còn độ vài dặm, bỗng chạm phải một khối đá ngầm làm cho chúng tôi muốn té nhủi trên sườn tàu. Con tàu bỗng nhiên đứng dừng lại.

Giữa lúc đó, Thuyền trưởng Nam Mộ

và người giúp việc của ông ta cũng vừa leo lên sườn tàu. Hai người đứng ngắm nghía phương hướng, trao đổi nhau vài câu bằng thứ tiếng riêng. Nét mặt ông ta vẫn lạnh lùng và thản nhiên, không có một chút gì lo lắng. Tôi lấy làm lạ, bước đến hỏi:

– Thưa Thuyền trưởng, có phải chúng ta vừa gặp một tai nạn không?

Ông ta đáp:

– Không phải một tai nạn. mà là một bất ngờ.

– Nhưng sự bất ngờ này có bắt buộc chúng ta phải trở thành một người dân trên hoang đảo này không?

Thuyền trưởng Nam Mộ nhìn tôi, lạnh lùng nói:

– Tôi đã nhiều lần nói với ông là tôi chẳng bao giờ đặt chân lên mặt đất kia mà! Vả lại, con tàu này còn đưa ông đi xem nhiều nơi xa lạ nữa, đâu đã đến lúc nghỉ ngơi.

Tôi đáp lại bằng một câu hơi bóng bẩy:

– Nhưng con tàu đang mắc cạn trong một vùng đá ngầm, mà nơi đây, theo tôi đoán, nước thủy triều không lên cao như ở Thái Bình dương, làm sao nó có thể thoát ra được?

– Phải, con tàu tôi đang mắc cạn thực, hiện nay nó đang cõng trên một vùng đá ngầm không thể đi được. Tuy nhiên, ông nên biết rằng tại eo biển Tọt mặt nước thủy triều lên xuống cách nhau một thước rưỡi. Hôm nay là ngày 4 tháng giêng, chỉ trong năm ngày nữa mặt trăng

tròn, chừng ấy nước thủy triều lên, tôi có đủ nước để cho con tàu rời khỏi vùng này. Có điều bất ngờ trái với dự tính là chúng ta phải ở lại nơi eo biển này năm ngày nữa mà thôi.

Nói xong, thuyền trưởng Nam Mộ cùng với người giúp việc bước xuống găm tàu.

Nễ Lang bước đến bên tôi hỏi:

– Thế nào? Chúng ta nghĩ sao trong hoàn cảnh này?

– Phải chờ đến ngày 9, bởi vì lúc đó trăng tròn, nước thủy triều lên sẽ đưa con tàu lên mặt sóng.

– Chỉ thế thôi sao?

– Chỉ thế thôi.

– Còn nếu như một khi thuyền

trưởng không thể nào làm cho con tàu rời khỏi vùng đá ngầm này thì sao?

Côn Sơn xen vào nói:

– Làm sao lại không thể được? Bởi vì con tàu chỉ chờ nước thủy triều mà nước thủy triều không thể không có!

Nễ Lang quay nhìn Côn Sơn, rồi nhún vai nói:

– Anh nên biết rằng một khi khối sắt này không còn cử động được, không thể nổi lên, lặn xuống, ấy chính là lúc chúng ta có cơ hội để hành động.

Tôi nói:

– Nễ Lang ạ! Tôi không có ý nghĩ rằng con tàu này sẽ vô dụng, và lại chúng ta trốn đi nơi vùng này là một hành động nguy hiểm.

– Tại sao lại nguy hiểm?

– Anh không nghe nói nơi đây là một vùng tử địa sao? Nơi này là hoang đảo, biết đâu chúng ta sẽ gặp những cái không may.

– Nhưng, ít ra chúng ta cũng phải dò xét vùng đất này xem sao đã chứ? Đó, trước mặt chúng ta là một hòn đảo, trên đảo có cây cối, dĩ nhiên ở đó phải có thú rừng, tức là có thịt để chúng ta nuôi sống được.

Côn Sơn nói:

– Nhưng làm sao chúng ta có thể đến dò xét chứ? Thuyền trưởng Nam Mộ và cả đoàn tùy tùng của ông ta thể không bước chân lên mặt đất, liệu chúng ta có thể xin đi một mình được chăng?

Tôi nói:

– Tôi có thể xin được, nhưng chẳng biết ông ta có cho hay không.

– Thưa ông, vậy thì ông cứ xin phép thử, may ra, vì tình thân mật lâu nay, ông ta chấp thuận.

Tôi làm theo đề nghị của Côn Sơn, và lạ lùng làm sao, thuyền trưởng Nam Mộ bằng lòng ngay, không một chút do dự. Ông ta cũng không có lời nào dặn dò chúng tôi phải trở về tàu.

Mặc dầu thế, lòng tôi cảm thấy việc trốn nơi đảo Tân Ghi Nê là một việc nguy hiểm. Thà bị nhốt trên con tàu Nam Tị Lũy còn hơn là rơi vào tay giống da đen ở đảo Ba Phú Sĩ.

Sáng hôm sau, chiếc ca nô sẵn sàng dành riêng cho chúng tôi. Trên tàu không một ai theo chúng tôi cả. Chính Nễ

Lang phải làm nhiệm vụ lái chiếc ca nô ấy. Vả lại, nơi đó chỉ cách bờ biển có hai dặm thì đối với sức lực Nể Lang chỉ là một việc bằng thừa.

Hôm ấy ngày 5 tháng giêng, vào khoảng 8 giờ sáng, chiếc ca nô được đặt lên mặt sóng, chúng tôi trang bị đầy đủ, mang mỗi người một khẩu súng, giắt vào người một cái búa và khởi hành.

Mặt biển yên lặng, làn gió thổi nhẹ, Nể Lang và chúng tôi mỗi người một tay chèo. Chiếc ca nô lướt nhanh.

Mặt Nể Lang đầy hớn hờ. Anh ta có cảm giác như đã thoát khỏi cảnh ngục tù và chẳng bao giờ trở lại nữa.

Anh ta reo lên:

–Ồ! Thịt rừng! Chúng ta sắp được ăn thịt rừng. Nhưng thịt gì đây! Chúng

ta phải tìm loại thịt nào cho ngon lành mới được chứ!

Côn Sơn xen vào:

– Thực là háu ăn. Chưa biết khu rừng kia ra thế nào mà đã đòi ăn như sếu.

Tôi nói:

– Biết đâu những con vật ở khu rừng đó là những loài vật khổng lồ, chúng ta không đủ sức săn đuổi nó.

Nể Lang nói:

–Ồ! Hàm răng tôi sắc lắm, dù giống nào cũng không từ. Tuy nhiên, tôi sẽ ăn thịt cọp, nếu khu rừng này không có loại thú nào khác.

Côn Sơn cười xòa:

– Đó, Nể Lang sợ rồi đấy.

Nễ Lang đưa mắt nhìn Côn Sơn, nói:

– Rồi anh sẽ thấy tôi có sợ hay không! Tôi dám nói quyết với anh rằng dầu loại thú bốn chân có lông, hoặc loại thú hai chân mà đã gặp tôi thì tôi nổ súng ngay.

– Được, tôi sẽ xem sự can đảm của anh.

Nễ Lang nhìn tôi giục:

– Ông Long Đắc, ông đừng sợ gì cả. Cứ bơi mạnh cho chiếc ca nô chạy tới. Chỉ trong vài mươi phút, chúng ta sẽ cập bến mà!

Đúng tám giờ rưỡi, chiếc ca nô chạm nhẹ vào mặt cát. Đó là bờ bể nơi chân đảo Gơ Bô Ra (Gueboroar).

CHƯƠNG 21

VÀI NGÀY TRÊN MẶT ĐẤT

Tôi có cảm giác đặc biệt khi bước chân lên mặt đất. Đã hai tháng liền, chúng tôi chôn chân trên con tàu Nam Tị Lữ như những người tù trong ngục thất, nay được nói rộng làm sao khỏi vui mừng.

Chỉ trong vài phút, chúng tôi đã rời khỏi chiếc ca nô, súng đeo bên hông, lưng lẳng như những người thợ săn trên bước đường mạo hiểm.

Mặt đất lởm chởm toàn là giống thạch tâm, đây đó một vài dòng suối từ bên trong chảy ra mé biển nhưng không có nước. Chân trời khuất sau rừng cây cao vút. Những thân cây khổng lồ to đến hai trăm gang, nối tiếp nhau sừng sững trong đám bụi rậm phủ màu xanh sậm. Đó là những giống cây vã, cây phi lao, cây sến, cây bông bụt, cây thốt nốt mọc lẫn lộn với nhau, dưới gốc phủ kín những loại rau lan, rau leo đủ thứ.

Đẹp mắt thật, nhưng Nễ Lang chẳng cần để ý, anh ta chợt thấy một cây dừa, vội vã nhảy phóc đến, trèo lên hái quả.

Chúng tôi xúm nhau bò dừa uống nước và ăn rất ngon lành.

Nễ Lang nói:

– Ngon chứ?

Côn Sơn đáp:

– Ngon tuyệt!

Nễ Lang nói tiếp:

– Tôi đoán chắc lão thuyền trưởng Nam Mộ không bao giờ biết ăn những thức quý báu này.

Tôi mỉm cười đáp:

– Không phải đâu. Ông ta không muốn ăn chứ không phải không biết ăn.

Côn Sơn nói:

– Không muốn ăn thì mặc kệ ông ấy.

Nễ Lang nhướng mắt, nói:

– Càng tốt. Chúng ta đem về để dành ăn được lâu ngày.

Tôi nói với Nễ Lang:

– Nhưng tôi có ý kiến này. Trước khi đi tìm những cây dừa khác và hái trái dự trữ, chúng ta nên xem xét qua hòn đảo này trước đã. Biết đâu nơi đây còn có nhiều thức ăn quý hóa hơn.

Côn Sơn nói:

– Ông nói rất phải. Tôi thiết tưởng trong ca nô chúng ta phải dành riêng ba chỗ. Một chỗ để trái cây, một chỗ để thịt rừng.

Tôi nói:

– Việc ấy không cần phải lo vội Côn Sơn ạ! Bây giờ chúng ta cứ tiếp tục cuộc hành trình nhưng mặc dầu là hoang đảo chúng ta cũng phải để ý cho lắm mới được.

Ba người chúng tôi đứng dậy tiếp tục đi. Bỗng Nễ Lang nghiêng hai hàm răng

ken két, la to:

– Hô là! Hô là!

Côn Sơn ngạc nhiên hỏi:

– Gì thế? Nễ Lang!

Nễ Lang nheo mắt, đáp:

– Tôi chuẩn bị hai hàm răng để ăn thịt rừng đấy.

Tôi tức cười nhìn vẻ mặt Nễ Lang đầy vẻ khoái trá, và nói:

– Chớ có đặt hy vọng quá nhiều trước khi chưa tìm thấy kết quả.

Nễ Lang nói:

– Ít ra cũng phải tìm cho dạ dày một vài miếng thịt chứ. Vả lại từ sáng đến giờ chưa gặp thứ gì để làm thỏa mãn nó kia mà.

Vừa nói chuyện, chúng tôi vừa tiến sâu vào rừng, và lục lọi khắp nơi. Tình cờ chúng tôi gặp một thứ cây thuộc về loại thực phẩm rất quý giá. Đó là loại cây gạo mọc ở miền nhiệt đới, dùng làm món ăn khi trên tàu thiếu lương thực.

Giống cây này thân cao và thẳng độ bốn mươi bước. Tàng lá tròn và xanh, có những quả rất lớn, độ một phân, bên ngoài là lớp vỏ mỏng, chứa bên trong chất gạo có thể thể cho lúa mì được. Cứ độ tám tháng, quả ấy chín vàng, và ăn được. Thật là một giống cây quý.

Nễ Lang biết rõ giống cây này, vì anh ta đã dùng nhiều lần trong các chuyến đi; do đó, khi vừa thoáng thấy, anh ta reo to:

– Ô! Ông ơi! Nếu tôi không được thưởng thức một ít trái gạo này tôi sẽ thèm chết đi!

– Được, cử thưởng thức đi, Nễ Lang. Chúng ta đến đây là cốt để thưởng thức kia mà!

Nễ Lang nói:

– Ăn thứ này không mất thì giờ lắm đâu.

Nói đoạn, anh ta rút túi lấy ra một cây đèn rồi dùng búa chặt một khúc cây khô kéo cho ra lửa để nướng quả. Giữa lúc ấy Côn Sơn trèo lên cây lựa một số quả tốt, hái đem xuống.

Sau khi nướng xong, Nễ Lang dùng dao bổ đôi ra. Trái nào trong ruột cũng trắng phau, hơi bốc lên nghi ngút.

Nể Lang nói:

– Hãy lại đây mà ăn. Ôi chao! bánh này ngon tuyệt.

Côn Sơn xen vào nói:

– Nhứt là đã hơn hai tháng nay chúng ta không được nếm một mẩu bánh mì nào.

Nể Lang nói:

– Thứ này còn ngon hơn bánh mì gấp bội.

Tôi bước đến ngồi ăn. Quả ngon thật. Nhưng khốn thay, loại quả này chỉ dùng ăn tươi mà thôi, như vậy làm sao để dành được trên tàu. Nể Lang nghe tôi phàn nàn, ngừng đầu lên nói:

– Ông chi là một nhà vạn vật học. Còn tôi, tôi sẽ là một tay thợ làm bánh

giỏi cho ông xem. Đây Côn Sơn, anh hái thêm một số nữa để đem theo về tàu mà dùng.

Tôi hỏi:

– Anh làm sao để dành được hờ Nể Lang?

– Cứ bóc vỏ lấy ruột vò lại từng viên, để cho lên men, lúc nào muốn dùng đem nướng trên lò lửa. Tuy mùi vị có đổi khác đi chút ít, song vẫn ngon như thường.

– Ô! Nếu vậy chúng ta được thứ bánh này trở về tàu cũng đã đủ lắm rồi.

– Còn phải tìm một ít trái cây và rau nữa chứ!

– Thế thì chúng ta đi tìm hoa quả.

Bữa ăn xong, chúng tôi lại tiếp tục đi nữa. Cuộc lục lạo của chúng tôi không

đến nỗi hoài công. Vào khoảng mười hai giờ trưa chúng tôi gặp một đám chuối, quả chín sum sê. Loại trái cây chín quanh năm nơi các miền nhiệt đới, trái ăn ngọt, không cần phải nấu nướng. Rồi đến những quả thơm, màu đỏ ối to lớn phi thường.

Chúng tôi luôn luôn để ý đến Nễ Lang, lúc nào cũng đi trước, tay xách đủ loại trái cây, với dáng điệu hăng hái lắm.

Còn Sơn hỏi:

– Chúng ta quá đầy đủ thức ăn rồi phải không Nễ Lang?

Nễ Lang chỉ hừ một tiếng, không đáp.

Còn Sơn hỏi tiếp:

– Anh còn chưa thỏa mãn sao?

Nễ Lang đáp:

– Về các thức ăn trái cây chúng ta có đủ thực, nhưng còn phải có cháo, có thịt nữa chứ?

Tôi mỉm cười, xen vào:

– Đúng vậy, chúng ta có rất nhiều hy vọng để tìm ra các thức ăn ấy.

Nễ Lang quay lại nói với vẻ tự đắc:

– Cuộc săn bắn của chúng ta chỉ là lúc mới bắt đầu. Hãy kiên nhẫn một chút chúng ta còn chán thì giờ để tìm thú rừng. Nếu nơi đây không có thì nơi khác.

Còn Sơn nói:

– Nếu hôm nay chưa tìm thấy thú rừng thì nên để đến ngày mai, vì chúng

ta đi đã xa quá rồi. Tôi đề nghị nên trở về ca nô đã.

Nễ Lang cau mày nói:

– Trở về ư?

Tôi đáp:

– Phải, chúng ta không nên ở trong rừng ban đêm, phải trở về ca nô trước mặt trời lặn.

Nễ Lang hỏi:

– Thế, bây giờ là mấy giờ rồi?

Côn Sơn đáp:

– Ít ra cũng đã hai giờ chiều.

Nễ Lang thở dài, nói:

– Ô! thì giờ trên mặt đất đi mau quá nhỉ.

Côn Sơn giục:

– Thôi, chúng ta hãy trở lại cho sớm.

Chúng tôi đồng kéo nhau trở lại. Dọc đường hái thêm một số hoa quả rất nhiều, và khi về đến ca nô chúng tôi chất đầy cả một khoang. Tuy nhiên. Nễ Lang vẫn cảm thấy còn quá ít.

Vào khoảng năm giờ chiều, chúng tôi chèo ca nô trở về tàu. Con tàu Nam Tỵ Lũy vẫn còn nằm y nơi chỗ cũ, dài thườn thượt, không cử động. Trên tàu vắng tanh không một ai trông thấy chúng tôi trở về cả. Chúng tôi cho ca nô đậu vào rồi lên tàu, trở về phòng.

Trên bàn, bữa ăn tối của tôi đã dành sẵn. Tôi ăn xong vào giường ngủ.

Hôm sau, ngày 6 tháng giêng, trên tàu cũng không có gì đổi khác. Bên trong

không một tiếng động, tất cả đều như lắng chìm trong hoang vu. Chiếc ca nô chúng tôi thả trên mặt nước từ chiều qua đến nay vẫn còn y nguyên như cũ.

Chúng tôi bàn nhau trở lại đảo Gơ Bô Ra một lần nữa. Nễ Lang hy vọng sẽ gặp nhiều may mắn hơn hôm vừa rồi, vì anh ta định đổ bộ lên một miền rừng khác.

Mặt trời chưa ló bóng, chúng tôi đã khởi hành. Chiếc ca nô vượt sóng cập vào bờ biển không mấy chốc.

Nễ Lang hăm hở đi trước. Bằng hai ống chân dài tha thuột, anh ta dẫn chúng tôi qua các suối cạn, tiến về hướng Tây, ở đó có một cánh đồng và một khu rừng rất rậm rạp.

Vài con hải điều bay vòng nhưng không dám đến gần chúng tôi. Nhìn vào giống chim ấy, tôi đoán chắc khu rừng này có nhiều thú vật hay ít ra cũng có một giống người nào chiếm cứ.

Sau khi qua khỏi một đám cỏ chúng tôi đến bìa rừng, cây cối lúp xúp, tiếng chim chóc hót líu lo.

Côn Sơn nói:

– Đây mới chỉ là loài chim mà thôi.

Nễ Lang nói:

– Nhưng phải tìm một loại nào để lấy thịt chứ?

Côn Sơn đáp:

– Không có gì cả, Nễ Lang ạ! Vì đây chỉ có là loài chim kết nhỏ, có ăn thua gì mà giết chúng nó.

Nễ Lang nói lớn:

– Loài két không ăn thịt được sao?

Tôi phụ họa:

– Ô! loại này nhỏ bé, mất công làm lông. Chúng ta đâu có thì giờ làm việc ấy.

Nễ Lang cãi:

– Tuy nó nhỏ, nhưng lại nhiều. Chúng ta bắn rất dễ.

Thực vậy, từng đoàn chim két bay lượn từ cánh nọ sang cánh kia, màu sắc rực rỡ, kêu la rối rít. Nếu có cách gì bắt được hết chúng nó thì cũng được một số thịt khá lớn.

Sau khi qua khỏi bìa rừng, chúng tôi tiến sâu vào bên trong ở đây không còn chim két nữa, mà có loại chim lông rất dài, màu sắc rất đẹp, nhìn không chán

mắt.

Tôi buột miệng reo lên:

– Kìa, loại chim Phượng hoàng.

Côn Sơn nói tiếp:

– Thuộc giống chim tước.

Nễ Lang hỏi:

– Có phải cùng một thứ với giống chim đa đa nhỏ không?

Tôi đáp:

– Không phải đâu. Giống chim này người Mã Lai thường đem bán sang Trung Hoa rất đắt giá.

Chúng tôi đi mãi, tiến qua khỏi cụm núi giữa đảo, và mãi đến mười một giờ trưa, chúng tôi vẫn chưa bắn được một con thú nào.

Bụng chúng tôi bắt đầu cảm thấy đói và mệt mỏi. May thay, với hai phát súng của Côn Sơn, chúng tôi hạ được đôi bồ câu trắng, chất củi khô và đốt lửa để nướng ăn.

Ăn xong, tôi hỏi Nễ Lang:

– Bây giờ chúng ta cần tìm thứ gì nữa?

Nễ Lang đáp:

– Cần phải hạ cho được một con thú bốn chân mới là thức ăn chính, còn loài chim chóc chẳng qua chỉ là thức ăn tráng miệng, có thăm thía vào đâu.

Tôi thì chỉ thích làm sao bắt cho được một con chim phượng hoàng.

Côn Sơn nói:

– Chúng ta nên tiếp tục cuộc săn bắn dọc theo bờ biển thì hơn. Tôi cho rằng đi sâu vào núi cao bất tiện.

Chúng tôi cho lời nói của Côn Sơn là phải, và cùng nhau leo đèo bước vòng quanh sườn núi. Đi độ một tiếng đồng hồ, chúng tôi đến một khu rừng thấp, hoa cỏ thơm tho. Vài con rắn nghe tiếng động vội vã chạy trốn. Những con chim phượng hoàng lao nhao lẫn tránh mỗi khi chúng tôi đến gần.

Chúng tôi đang âm thầm tiến bước thì bỗng Côn Sơn cúi xuống và reo lên một tiếng, rồi đến trao cho tôi một con chim phượng hoàng.

Tôi cũng mừng rỡ, reo lên:

– A! Hoan hô Côn Sơn.

Côn Sơn đáp:

– Thưa ông, giống chim này quả đẹp thực.

Tôi cầm lấy con chim, thất vọng, nói:

– Nhưng con chim này trông nó đã gần chết rồi. Anh làm sao bắt cho tôi một con còn sống có được không?

Côn Sơn nói:

– Thưa ông khó làm. Giống chim này hễ động đến mình nó, tức khác nó chết đi, vì nó tuy có bộ lông đẹp, nhưng rất yếu ớt.

Tôi cầm con chim mà lòng đầy mến tiếc.

Loại chim này là loại đẹp nhất trong tám giống chim đẹp trên thế giới. Người ta rất khó mà tìm thấy. Mình nó dài độ ba phân, đầu nhỏ, hai con mắt rất tròn

và trong như thủy tinh; mỏ vàng, chân màu nâu, lông trên có màu vàng nhạt, dưới ức màu xanh đậm, dưới bụng màu đỏ tía, sau đuôi có hai cái lông dài chói ngời màu sắc. Thật là đẹp.

Tôi ước ao được có một con đem về Ba Lê, nuôi vào vườn bách thảo thì không còn gì bằng. Nữ Lang nhìn tôi nói:

– Giống chim này ít tìm thấy lắm, ông ạ!

– Đúng vậy. Càng khó hơn nữa không thể nào bắt sống nó được.

Nữ Lang nói:

– Dầu đẹp đến đâu, lúc này cũng vô ích, không bằng tìm được một con thú nhiều thịt.

Quả thật, hy vọng của Nễ Lang không phải là hoài hão. Vào lối hai giờ chiều, anh ta hạ được một con heo rừng rất lớn. Bằng một viên đạn, con heo rừng ngã lăn ra chết tức khắc.

Lập tức, Nễ lang lột da, cắt ra từng mảnh thịt sườn và đem một số ra nướng dùng vào bữa ăn trưa, còn bao nhiêu để lại dành cho bữa ăn tối và đem về tàu.

Ăn xong, chúng tôi lại tiếp tục cuộc săn bắn. Nễ Lang lúc bấy giờ hăng hái nhứt. Anh ta vênh vang với chiến công đã thu lượm được. Cùng với Côn Sơn, đôi bạn luôn vào các bụi rậm đập đuổi để kiếm thú rừng. Do đó, một vài bầy đại thú hoảng kinh bỏ chạy. Tuy nhiên, chúng chạy rất mau, không làm sao bắt kịp.

Nễ Lang tức tối la quát om sòm. Có lẽ anh ta quá thích thú nên không nghĩ gì nữa cả.

Cuộc săn bắn của chúng tôi hoàn toàn thắng lợi.

Chiều hôm ấy vào khoảng sáu giờ, chúng tôi trở lại ca nô; mang theo nào thịt rừng, nào trái cây, rau sống, đủ thứ. Chiếc ca nô chúng tôi vẫn còn nằm nơi chỗ cũ. Con tàu Nam Ti Lũy vẫn cách chúng tôi chỉ chừng hai dặm.

Không chậm trễ, Nễ Lang tức khắc đem các món ăn ra làm bữa ăn tối. Thôi thì nào là thịt sườn nướng, nào là trái cây gạo, nào là nước dừa, nào là thơm, đủ thứ. Chúng tôi ngồi lại ăn đây thích thú. Côn Sơn nói:

– Ước gì đêm nay chúng ta đừng về tàu thì thú biết bao nhiêu!

Nễ Lang nói tiếp:

– Nếu chúng ta đừng trở về nữa có được không? Giữa lúc đó, bỗng có một hòn đá khá to từ đâu ném tới, rớt ngay nơi chân chúng tôi, làm cho mọi người nín bật.

CHƯƠNG 22

LUỒNG SÉT CỦA THUYỀN TRƯỞNG NAM MỘ

Chúng tôi đưa mặt nhìn vào mé rừng, miệng quên nhai, mà tay mỗi người vẫn còn cầm một thỏi thịt đùi khá lớn.

Côn Sơn nói:

– Chẳng lẽ hòn đá này từ trên trời rơi xuống sao?

Anh ta nói chưa dứt tiếng thì một viên đá thứ hai bay đến, suýt trúng vào tay Côn Sơn làm rơi miếng thịt nướng.

Chúng tôi, cả ba đứng dậy, mang súng lên vai để đề phòng.

Nễ Lang nheo mắt nhìn xa xa rồi nói:

– Có lẽ những con khỉ ở đâu đây chờ gi?

Côn Sơn với giọng trầm trầm phụ họa:

– Có lẽ là vậy. Giống khỉ hay có nhiều trò tinh nghịch, phá phách.

Bỗng tôi chợt thấy nơi bìa rừng một đoàn người da đen thui thui, tay cầm dao, vai mang ná, kéo về phía chúng tôi còn chỉ cách độ trăm bước.

Tôi hoảng hốt la lên:

– Hãy xuống ca nô ngay, không thì nguy mất.

Chiếc ca nô chỉ cách chúng tôi độ bốn sải. Chúng tôi vội vã lội xuống mé biển.

Bạn da đen không rượt theo chúng tôi, chúng chỉ dùng đá và tên bắn tới tấp.

Nễ Lang không nỡ bỏ lại những thức ăn đã thu lượm được, mặc dầu trong nguy hiểm, anh ta vẫn mang trên lưng những tấm thịt sườn và chạy rất nhanh chỉ trong vài phút, chúng tôi lên được ca nô và vội vã chèo đi.

Trong bờ biển, bọn da đen chừng lối hai trăm người, reo hò âm ỉ, một số lội xuống nước đuổi theo, nhưng chỉ lội đến bụng thì chúng dừng lại. Tôi đưa mắt nhìn lên sườn tàu Nam Tị Lũy xem chúng có

trèo lên mũi tàu ấy không. Nhưng không, con tàu vẫn vắng vẻ, điềm nhiên như không có điều gì xảy ra cả.

Độ hai mươi phút sau, chúng tôi lên tàu. Cánh cửa trên mũi tàu vẫn còn bỏ trống. Sau khi bỏ neo cho chiếc ca nô, tôi trở về phòng. Khi đi ngang qua phòng thuyền trưởng tôi nghe có một vài giọng nhạc thoảng qua, tôi vội vàng bước vào.

Thuyền trưởng Nam Mộ có mặt tại đây. Ông ta đang chơi đàn. Tôi vội vàng bước đến chào ông ta.

– Thưa Thuyền trưởng!

Nhưng vì đang say sưa với bản nhạc, ông ta không nghe tiếng nói của tôi.

Tôi đập vào tay ông ta, và nói:

– Thưa Thuyền trưởng.

Ông ta giật mình quay lại hỏi:

– A! Ông Giáo sư Long Đắc dây rồi. Sao? Cuộc săn bắn gặp nhiều kết quả chứ?

– Thưa ông, kết quả cũng khá; nhưng khó thay, chúng tôi lại gặp phải một đoàn da đen đuổi theo, rất đáng sợ.

– Đoàn da đen gì?

– Họ là giống người man rợ.

Với giọng ngạo nghễ, Thuyền trưởng Nam Mộ đáp:

– Man rợ ư? Ông nhọc nhằn lắm sao? Ông bước chân lên mặt đất ông gặp một giống người man rợ ư? Trên mặt đất cũng có loại người đó à? À! nhưng họ có xấu hơn những người khác không mà ông gọi họ là man rợ?

– Nhưng, thưa thuyền trưởng...

– Ô! với tôi, tôi đã gặp giống người ấy khắp trên mặt đất.

– Nhưng nếu ông không muốn họ đặt chân lên con tàu Nam Tị Lũy ít ra ông cũng phải đề phòng chứ.

– Ông cứ an tâm. Đó không phải là việc bận rộn.

– Nhưng, chúng nó đông lắm.

– Ông đếm họ cả thấy bao nhiêu người?

– Ít ra cũng hàng trăm người.

Vẻ mặt Thuyền trưởng vẫn thản nhiên, ngón tay đặt lên phím đàn, nói:

– Dầu cho dân Ba Phú sĩ tập trung tất cả nơi bờ bể, cũng không làm gì được con tàu Nam Tị Lũy.

Nói xong, ngón tay ông ti tiếp tục chạy qua hàng phím, và đôi mắt ông ta lim dim nhắm lại hình như ông ta không còn biết tôi đứng trước mặt nữa.

Tôi trở lên mũi tàu. Đêm tối bắt đầu buông xuống. Ở vùng biển này mặt trời lặn quá mau, không có chạng vạng. Tôi không còn trông thấy hòn đảo Gơ Bô Ra nữa, nhưng dọc theo bờ biển nhiều đóm lửa nổi lên, tôi đoán chừng bọn người da đen kia chưa chịu rời khỏi nơi ấy.

Tôi đứng trên mũi tàu hàng mấy tiếng đồng hồ, lúc thì nghĩ đến giống người da đen trên hoang đảo, lúc thì say sưa nhìn ngắm về hướng quê nhà với một niềm nhớ nhung triền miên không dứt.

Vùng trăng ló khỏi núi, ánh sáng tuôn xuống mặt sóng màu vàng nhạt. Tôi sức nhớ gần đến ngày mà con tàu Nam

Ti Lũy sắp có nước thủy triều để rời bỏ cảnh hoang vắng này.

Vào khoảng nửa đêm, tôi đưa mắt nhìn quanh một lượt, thấy bốn bề vẫn lặng ngắt như tờ, tôi chậm rãi trở về phòng; ngủ một giấc cho đến sáng. Đêm ấy không xảy ra việc gì cả. Có lẽ bọn người da đen ở đảo Gơ Bô Ra sợ sệt không dám đến gần con tàu Nam Ti Lũy, mặc dầu cánh cửa mũi tàu suốt đêm vẫn mở bét.

Sáng ngày 8 tháng giêng, tôi lên mũi tàu để xem xét. Ánh sáng ban mai tỏ rạng. Các hòn đảo xuất hiện lơ mờ khuất trong lớp sương mù. Bọn người da đen vẫn còn ở nơi mé biển. Chúc tập trung còn đông hơn hôm trước gấp bội. Tôi đoán số người ấy ít ra cũng trên năm sáu trăm người. Một vài đứa thừa cơ hội nước thủy triều xuống đã lợi ra gần đến

con tàu Nam Tị Lũy, đứng trên những mỏm san hô.

Tôi nhìn kỹ bọn chúng, thì thấy toàn là giống người của rừng núi. Người không cao lắm, trán rộng và cao, mũi lớn răng trắng, tóc quăn, nước da đen bóng. Nơi tai mỗi đứa có đeo một chiếc vòng lủng lẳng. Phần đông đều trần truồng. Trong số đó có vài người đàn bà, cũng hình dáng như chúng, song có quấn một thứ lá gì tua tủa từ bụng xuống đến đầu gối. Và vài đứa cầm đầu, trên có đeo mấy chiếc vòng vàng và trắng.

Hầu hết, tay có cầm vũ khí như tên nỏ, dao mác. Đặc biệt là trên vai lại còn có một cái túi đựng những viên đá tròn núc.

Trong số cầm đầu của chúng, có một đứa đến gần con tàu Nam Tị Lũy hơn cả,

và đang đứng ngắm con tàu một cách rất chăm chú. Có lẽ đó là tên chúa đảng, bởi vì từ chân đến cổ có đeo nhiều thứ lá cây đủ màu sắc.

Tuy thế, lòng tôi tin tưởng ở thái độ cứng rắn của thuyền trưởng Nam Mộ nên không có chút gì lo lắng, sợ sệt cả.

Rất tiếc là ngày hôm ấy chiếc ca nô không rời khỏi con tàu nên không làm sao đến chỗ được những thực phẩm đã tìm được nơi mé biển.

Nễ Lang lợi dụng cơ hội này ở mãi trong phòng để nướng thịt và làm bánh.

Phần tôi, không biết làm gì hơn bèn gọi Côn Sơn lên mui tàu để câu sò, ốc. Côn Sơn nói:

– Thưa ông, còn bọn da đen kia như

thế nào rồi? Tôi tưởng chúng nó hung hăng lắm đấy.

– Đúng vậy. Chúng đang đi rảo khắp nơi. Mặc dù Thuyền trưởng Nam Mô không để ý đến, về phần chúng ta, chúng ta cũng phải đề phòng mới được.

Chúng tôi bắt đầu vào việc câu sò ốc.

Suốt hai tiếng đồng hồ qua, chúng tôi câu được rất ít. Chỉ có một vài con ốc thường và vài con rùa nhỏ mà thôi.

Giữa lúc tôi đang thất vọng thì bỗng tôi gặp phải một loại ốc đặc biệt, làm cho tôi quá hồi hộp reo lên một tiếng rất to.

Côn Sơn thất kinh quay lại hỏi:

– Thưa ông, gì thế?

– Tôi vừa câu được một con ốc loại đặc biệt. Loại đặc biệt như thế nào?

Tôi vừa gỡ con ốc vừa câu được cho Côn Sơn xem, vừa nói:

– Loại đặc biệt đây này.

Côn Sơn ngơ ngác hỏi:

– Đó chỉ là một loại ốc như loại ốc khác thôi.

– Đúng vậy. Nhưng cái đặc biệt của con ốc này là đáng lẽ vòng tròn quay từ mặt sang trái thì nó lại quay từ trái sang mặt.

Côn Sơn nghe nói bỗng reo lên:

– Có thể như thế được sao?

– Phải, con ốc này quay trái.

Côn Sơn hồi hộp nói:

– Quay trái.

– Kìa, anh cứ nhìn vòng quay của nó đó.

– A! Tôi chưa bao giờ thấy được con ốc đặc biệt như vậy!

Kể ra, đó cũng là một vật hiếm có. Các nhà vận vật học đều biết rằng mỗi sinh vật tạo hóa đã sanh ra với bản tính đặc biệt, tỷ như các tinh cầu đều quay trong cái vòng từ phải sang trái. Loài người thường dùng tay mặt, và những dụng cụ máy móc, cầu thang. Ổ khóa, ruột gà đều dùng theo chiều từ phải sang trái. Còn loài ốc, vũ trụ cũng theo luật đó mà cấu tạo cho nó có một chiều quay nhất định. Nếu một khi, chiều quay con ốc nào ngược đi, thì con ốc lấy thuộc về loại ốc trái, rất hiếm có. Các nhà nghệ sĩ có thể mua cái đặc biệt ấy với giá đắt hơn vàng.

Côn Sơn và tôi đang cùng nhau mừng rỡ, vì viện bác vật Ba Lê sẽ được cơ hội tăng thêm những vật ly kỳ, thì bỗng một hòn đá từ đâu ném đến, trúng vào tay Côn Sơn làm cho con ốc bể nát.

Tôi thốt lên một tiếng kinh hãi. Giữa lúc đó, Côn Sơn nhảy chồm tới, bốc lấy khẩu súng của tôi và chĩa vào một tên da đen đang đeo vào sườn tàu cách đó độ mười thước.

Tôi muốn cản lại, nhưng không kịp. Côn Sơn đã bóp cò và tên da đen lăn nhào xuống biển.

Tôi là lên:

– Côn Sơn!

– Thưa ông, ông không thấy nó đã gây sự đó sao?

– Một con ốc không đáng giá bằng một mạng người.

Tuy nói thế, song tôi lại thấy quang cảnh đã đổi khác.

Bọn da đen cố gây sự với con tàu Nam Tị Lũy. Hàng hai ba mươi chiếc xuống cây từ trong bãi bể bơi ra, chở đầy nhóc bọn da đen. Những chiếc xuống ấy là những thân cây to, dài, đục thủng ruột.

A! Té ra bọn này cũng đã biết dùng xuống cây để vượt biển.

– Chúng ta phải vào báo cho thuyền trưởng Nam Mộ hay.

Đoạn tôi kéo Côn Sơn vào phòng. Trong phòng khách vắng ngắt. Tôi qua gõ cửa phòng thuyền trưởng. Bên trong có tiếng nói:

– Cứ vào.

Tôi bước vào, lúc đó thuyền trưởng Nam Mộ đang ngồi trước bàn, chăm chú tính toán gì đó, mà trên mặt giấy toàn là những dấu của toán đại số.

Tôi lễ mễ nói:

– Thưa ông, chắc có lẽ tôi đã làm rầy ông?

– Đúng vậy. Nhưng tôi thiết tưởng ông vào đây hẳn có điều gì quan hệ.

– Thưa ông, quan hệ lắm! Hiện giờ những chiếc xuống gỗ của bọn da đen đang bao vây con tàu chúng ta, Chỉ trong vài phút nữa, nếu không đề phòng, chúng có thể tràn vào nơi đây.

Thuyền trưởng Nam Mộ vẫn với vẻ mặt bình thản, hỏi:

– A! Chúng nó lại chèo xuống gỗ đến đây ư?

– Thưa ông, quả như vậy.

– Thế thì chỉ cần đóng khung cửa trên mũi tàu là xong.

– Thưa ông, đành vậy, nhưng tôi đã nói với ông...

– Ô! không có gì đáng lo cả.

Nói đoạn, ông ta với tay nhận một cái nút điện có dây bắt chuyển sang bên phòng thủy thủ.

Và nói tiếp:

– Thế là xong. Chỉ trong loáng mắt, chiếc ca nô sẽ được đưa lên mũi tàu và khung cửa đóng lại ngay. Ông đừng sợ. Bọn chúng không thể nào đục thủng vỏ tàu, cả đến những viên đạn đại bác của

các ông còn chưa làm gì được kia mà?

Tôi nói:

– Không, thưa Thuyền trưởng, còn có một điều rất nguy hiểm.

– Điều gì vậy?

– Buổi sáng chúng ta phải mở khung cửa trên mũi tàu để lấy không khí...

– Dĩ nhiên, vì con tàu ta dùng không khí trên mặt biển.

– Do đó, bọn da đen có thể thừa cơ hội có mà tràn vào. Như thế ông làm sao ngăn trở nổi?

– Ông định ninh là bọn chúng leo lên tàu sao?

– Chắc chắn như vậy.

– Thế thì mặc cho chúng nó muốn

leo thì leo. Tôi không có cách nào cản trở chúng được. Tuy nhiên, chúng chỉ là những con thiêu thân, tôi không muốn đến đây để làm hại một sinh mạng nào của chúng.

Tôi muốn cáo từ bước ra, nhưng thuyền trưởng Nam Mộ giữ tôi lại, bảo tôi đến ngồi một bên, thân mật hỏi về cuộc săn bắn vừa qua. Cuối cùng ông ta nhắc đến việc con tàu Nam Tị Lữ của ông ta hiện đang đậu nơi chỗ mà trước kia con tàu Cực Viên (Urvicle) của ông Dũ Mông bị đắm.

Ông ta nói:

– Đó là một nhà hàng hải có tài của xứ ông đã tìm thấy các vùng san hô trên đại dương, tìm thấy những giống mọi ăn thịt người trên Thái Bình dương. Nếu nhân tài ấy không bị tai nạn thì tôi thiết

tưởng sẽ còn có nhiều công trình vĩ đại đáng kể.

Với câu nói đó, Thuyền trưởng Nam Mộ hình như có vẻ cảm động lắm.

Rồi với tìm bản đồ trên tay, ông ta ôn lại những hoạt động của nhà hàng hải Pháp.

Ông ta nói tiếp:

– Đây là hoạt động của con tàu Cực Viên. Con tàu này chạy trên mặt nước, còn con tàu Nam Tị Lữ chạy dưới mặt nước, do đó con tàu Nam Tị Lữ được hoàn hảo hơn.

Tôi nói:

– Thưa Thuyền trưởng, tôi thấy có một điểm giữa con tàu Cực Viên và con tàu Nam Tị Lữ giống nhau.

– Điểm nào vậy?

– Đó là điểm con tàu Cực Viên và con tàu Nam Tị Lũy cùng mắc nạn một nơi.

– Con tàu Cực Viên bị tai nạn, nhưng con tàu Nam Tị Lũy đâu phải bị tai nạn. Nó chỉ nghỉ lại đây mấy hôm để rồi lại tiếp tục cuộc hành trình dưới đáy biển. Ngày mai, đúng vào ngày tôi đã nói nước thủy triều sẽ dâng lên, và con tàu Nam Tị Lũy khởi hành.

– Thưa Thuyền trưởng, tôi cũng tin như thế.

Đoạn, thuyền trưởng vừa đứng dậy, vừa nói tiếp:

– Ngày mai, vào lối hai giờ bốn mươi phút, buổi chiều, con tàu Nam Tị Lũy sẽ rời khỏi eo biển Tọt.

Câu nói ấy, Thuyền trưởng Nam Mộ tỏ ý muốn kết thúc câu chuyện, tôi vội vã trở về phòng.

Về đến phòng, Côn Sơn đã chờ sẵn nơi đây để thăm tin tức cuộc gặp gỡ của tôi với Thuyền trưởng Nam Mộ.

Tôi nói:

– Mình bâng khuâng lo cho bọn người da đen chiếm đoạt con tàu thì thái độ thuyền trưởng Nam Mộ rất bình thản. Ông ta coi việc đó chỉ là một trò đùa. Chúng ta chỉ còn có cách là tin tưởng vào ông ta, và ăn no, ngủ kỹ thôi.

Côn Sơn hỏi:

– Ông có cần tôi giúp đỡ cho ông không?

– Không. À này! Nễ Lang hiện đang làm gì?

– Anh ta cả ngày lo việc nướng thịt và làm bánh.

Côn Sơn trở về phòng. Tôi vào giường ngủ. Đêm ấy tôi không làm sao yên giấc được vì suốt đêm, tôi nghe những tiếng reo hò và tiếng đập phá của bọn da đen trên mui tàu.

Sáu giờ sáng, tôi thức dậy, nhìn ra mua tàu thấy khung cửa đóng kín mít. Không khi trong tàu chưa đổi mới nên hơi nặng hơn mọi buổi sáng.

Tôi ra phòng khách ngồi đọc sách. Mãi cho đến mười hai giờ trưa cũng không thấy bóng thuyền trưởng Nam Mộ đâu cả. Hình như người ta không sắp sửa việc khởi hành.

Tôi đợi nán một thời gian nữa. Đồng hồ trên vách điểm hai tiếng. Đó là lúc

nước thủy triều đã bắt đầu dâng lên. Nếu thuyền trưởng Nam Mộ không thừa cơ hội này mà đưa con tàu ra khỏi eo biển Tọt thì còn đợi chừng nào?

Giữa lúc đó, bên ngoài vẫn còn có tiếng đập phá của bọn người da đen.

Vào lúc hai giờ ba mươi lăm phút, thuyền trưởng Nam Mộ bước vào phòng khách. Ông ta nhìn tôi nói:

– Chúng ta sắp khởi hành.

Tôi mừng rỡ reo lên:

– A!

– Và tôi đã ra lệnh mở cửa trên mui tàu để đổi không khí.

Tôi ngạc nhiên, trân trối nhìn ông ta hỏi:

– Còn bọn da đen?

Thuyền trưởng nhún vai, nói:

– Bọn da đen thế nào?

– Thưa ông, chúng có thể xông vào bên trong con tàu của chúng ta để cướp phá, nếu ông cho mở cửa trên mũi tàu!

– Ông Long Đắc ạ! Chúng nó không thể nào vào được trong tàu mặc dầu khung cửa ở mũi thì vẫn mở trống.

Tôi chòng chọc nhìn thuyền thuyền trưởng Nam Mộ, không hiểu ông ta muốn nói gì cả.

Ông ta nói tiếp:

– Ông không hiểu sao?

– Thưa ông, tôi thực tình không hiểu gì cả. Thế thì ông cứ theo tôi rồi ông sẽ thấy.

Tôi bước theo thuyền trưởng đến chân thang. Nể Lang và Côn Sơn cũng đã có mặt ở đây. Cả hai đang trở mắt nhìn hai viên thủy thủ đang mở khung cửa ở mũi tàu mà lòng hồi hộp không an, vì ngay lúc đó, tiếng la ó của bọn da đen bên ngoài mỗi lúc một đông.

Khung cửa vừa mở, bên ngoài độ chừng vài mươi cái mặt ghê gớm dòm vào. Rồi một đĩa bầu tay vào cầu thang toan nhẩy xuống nhưng tay nó vừa bầu tới bỗng nhiên giật nảy người ra đằng sau rít lên một tiếng ghê hồn. Đàng sau mười đĩa xông tới, nhưng vừa vịn vào đầu thang thì cũng giật lui và ré lên như đĩa trước. Tôi ngơ ngác, chẳng hiểu sức mạnh vô hình nào đã cản trở chúng nó như vậy.

Côn Sơn đang cười rất khoái trá. Trong lúc ấy Nể Lang nóng lòng trước

hành động của bọn da đen, vả lại anh ta đã có ác cảm sẵn với chúng, nên toan xông đến hạ vài đứa cho bỏ ghét. Chẳng ngờ anh ta mới vịn vào chân thang thì lại giật nảy người, ngã ra đằng sau hét to:

– Khốn nạn! Tôi bị luồng sét giật.

Câu nói của Nễ Lang đã giải nghĩa tất cả. Chính Thuyền trưởng Nam Mộ đã cho một luồng điện chạy vào cầu thang và khung cửa ở mũi tàu. Vì vậy, bất cứ kẻ nào sờ đến là bị điện giật.

Bọn da đen bị điện giật thất kinh la rối rít, rồi kéo nhau rút lui trở về. Chỉ còn Nễ Lang, mặt mày thụng thịu làm cho chúng tôi trông thấy anh ta nửa tức cười, nửa thương hại.

Đúng hai giờ bốn mươi phút, nước thủy triều dâng cao, con tàu Nam Tị Lũy

nổi lên khỏi vùng đá ngầm, và chong chóng bắt đầu chuyển động. Chẳng mấy chốc, con tàu đã ra khỏi eo bè Tọt, bắn mình ra giữa bể khơi.

CHƯƠNG 23

VIỆC BẤT NGỜ

Hôm sau, vào ngày 10 tháng giêng, con tàu Nam Tị Lữ mở hết tốc độ chạy về hướng Tây. Với tốc độ ấy, tôi đoán chừng ít ra cũng phải ba mươi lăm dặm một giờ.

Vào ngày 11 tháng giêng, con tàu chạy qua mũi Vệt Xanh và ngày 13 tháng giêng, đến đảo Tý Mộ (Timer). Hòn đảo này diện tích rộng đến một ngàn sáu

trăm hai mươi lăm thước vuông, ở vào vĩ tuyến 122°, thuộc đất đai của các vua xứ Ấn Độ, Ở đây giống cá sấu rất nhiều. Vì vậy các vị Hoàng tử Ấn Độ gọi là Hòn đảo Cá Sấu.

Bắt đầu từ điểm này, con tàu Nam Tị Lữ quay hướng về phía tây nam. Tôi không rõ thuyền trưởng Nam Mộ sẽ đưa chúng tôi về đâu. Chẳng lẽ ông ta đến bờ biển Á châu chẳng lẽ ông ta đến bờ biển Âu châu? Hay là ông ta xuyên qua mũi Hảo Vọng rồi trở lại Thái Bình dương, nơi mà con tàu Nam Tị Lữ dễ bề ngang dọc? Thật khó mà đoán trước. Ngày nào cũng như ngày nào, con tàu chạy ngầm dưới nước và ban sáng nổi lên trên mặt sóng để lấy không khí. Trong thời gian ấy, thuyền trưởng Nam Mộ thí nghiệm về nhiệt độ của các lớp nước biển. Tôi đoán thế; vì có lúc ông ta cho con tàu

lặn thật sâu: Ba bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười ngàn thước.

Tôi theo dõi cuộc thí nghiệm của ông ta, và chẳng hiểu ông ta thí nghiệm như thế để làm gì?

Vào ngày 15 tháng giêng, tôi lên mui tàu gặp thuyền trưởng Nam Mộ. Ông ta hỏi tôi có biết sự khác biệt về sức nặng của nước biển không, tôi trả lời là tôi không được rõ lắm, vì khoa học chưa nghiên cứu được tường tận vấn đề này.

Ông ta mỉm cười đáp:

– Tôi đã được nghiên cứu kỹ, và có thể cắt nghĩa tường tận.

Tôi nói:

– Thưa ông, điều đó hay thật, song tôi thiết tưởng con tàu Nam Tị Lũy sống riêng biệt, không liên hệ với các nhà trí

thức trên mặt đất; do đó, nếu ông có nghiên cứu được việc gì hay cũng không ích lợi gì cho loài người.

Ông ta mỉm cười, nói:

– Đúng vậy. Chúng tôi đối với mặt đất là hai thế giới riêng biệt, Riêng biệt cũng như mặt đất với tinh cầu người ta không làm sao hiểu được công việc làm của hai nhà bác học Thổ tinh (Saturne) hoặc Mộc tinh (Jupiter) được. Tuy nhiên, vì một sự ngẫu nhiên, tôi có thể khám phá hành động của hai nhà bác học ấy.

Và tôi có thể cho ông biết một vài kết quả.

– Vâng, thưa ông tôi xin nghe.

– Chắc ông đã biết rằng nước biển nặng hơn nước ngọt. Tuy nhiên, không phải nước biển nào cũng nặng như nhau.

– Thực thế sao?

– Rồi tôi sẽ cho ông thấy tường tận cuộc thí nghiệm này.

Nói đến đó Thuyền trưởng Nam Mộ nhìn tôi mỉm cười rồi trở về phòng.

Qua hai ngày kế tiếp, tôi không gặp ông ta đâu nữa cả.

Vào đêm 16 tháng giêng, con tàu Nam Tị Lũy đứng yên, không chạy nữa, hình như nó đang nằm để nghỉ ngơi dưới vài thước nước. Cánh quạt không cử động, guồng máy đứng yên. Tôi đoán chừng đoàn thủy thủ đang sửa chữa máy móc bên trong sau một thời gian dùng quá sức.

Cánh cửa trên mũi tàu vẫn mở toác. Tôi rủ Nễ Lang và Côn Sơn cùng nhau lên mũi tàu để xem cảnh vật. Khung trời

đen đặc, phủ một lớp mây xám dày kịt. Mặt biển lơ mờ. Chỉ riêng xung quanh con tàu Nam Tị Lũy ánh sáng chói ngời. Nhìn vào ánh sáng đó, tôi tưởng đó là ánh sáng điện trong con tàu nhả ra, chói vào nước biển. Nhưng không, tôi đã lầm. Đó không phải ánh sáng điện mà là ánh sáng của chất lân tinh. Con tàu Nam Tị Lũy đang đậu giữa vùng nước có nhiều giống vi động vật phản chiếu vào vỏ tàu, tỏa ra ánh sáng như chất chì dạng chảy trong một lò lửa vậy.

Hàng mấy tiếng đồng hồ chúng tôi say sưa đứng ngắm màu ánh sáng ấy rất thích thú.

Ngày 18 tháng giêng, con tàu Nam Tị Lũy ở vào kinh độ 105° và vĩ độ 15°. Thời tiết không được tốt lắm. Biển động nổi sóng rất nhiều, gió biển thổi từ hướng đông lại.

Hôm ấy tôi cũng lên mũi tàu, và cũng gặp người phụ trách của thuyền trưởng lên đó để ngắm phương hướng nhưng ông ta không nói bằng cái câu thường lệ, mà nói bằng câu khác.

Đặc biệt là ông ta vừa nói dứt câu thì thuyền trưởng Nam Mộ bước lên mũi tàu ngay. Ông ta vội vã đưa viễn vọng kính lên mắt nhìn về phía chân trời. Qua vài phút yên lặng ông ta không rời phía chân trời ấy. Đoạn ông ta lấy kính xuống, trao đổi độ mười câu, bằng tiếng nói đặc biệt, với người phụ trách. Thoáng qua nét mặt của người phụ trách, tôi cảm thấy như có việc gì quan trọng lắm, vì nét mặt người này tái hảm đi. Về phần Thuyền trưởng Nam Mộ, tuy vẫn giữ được bình tĩnh, nhưng cũng không giấu nổi vẻ lo lắng.

Tôi đưa mắt nhìn về phía chân trời ấy, xem thử có gì lạ không, nhưng tôi không

trông thấy gì cả, chỉ thấy trời nước mênh mông, chân trời xa tắp.

Thuyền trưởng Nam Mộ rảo bước đi lại trên mũi tàu, từ đầu này qua đầu khác, không nhìn tôi, hoặc có lẽ ông ta không thấy tôi là khác, không như mọi ngày. Thỉnh thoảng ông ta đứng dừng lại, tay vòng trước ngực, nhìn ra mặt biển. Chẳng biết ông ta đã trông thấy gì trong cái khoảng không gian vô tận ấy?

Người phụ trách, cũng cầm viễn vọng kính, và cũng đi đi lại lại bên cạnh thuyền trưởng. Qua một lúc, người này đưa kính lên mắt nhìn, rồi lại trao đổi với thuyền trưởng một vài câu trong lo lắng.

Tôi không hiểu gì cả, vội vàng trở về phòng lấy cặp viễn vọng kính của tôi dùng thường ngày, đem lên, và cũng

ngắm bốn phía chân trời, nhưng rồi cũng không tìm thấy gì khả dĩ để giải đáp mối thắc mắc trong người tôi. Có lẽ mắt tôi chưa tinh vi, ống viễn vọng kính của tôi không thuộc vào loại siêu đẳng chăng?

Thuyền trưởng Nam Mộ đi qua, trước mặt tôi. Nét mặt ông ta lúc bấy giờ đổi khác. Đôi mắt sáng ngời, đôi mày hơi cau lại, hai tay nắm chặt, đầu luôn luôn nghiêng về đằng trước, chứng tỏ trong người ông ta đang có một việc gì cảm phần quá sức.

Nhưng cái gì đã làm cho ông ta cảm phần? Thực khó mà hiểu nổi. Chỉ có điều tôi chắc chắn là không phải ông ta cảm phần tôi, vì ông ta không nhìn tôi mà chỉ nhìn về phía chân trời xa ấy.

Qua một lúc, ông ta lấy lại được vẻ bình tĩnh thường ngày, trao đổi với

người phụ trách vài câu nói, rồi quay qua hỏi tôi:

– Ông Long Đắc, ông có nhận được lòng tử tế của tôi đối với ông không?

Tôi đáp:

– Việc ấy không ai có thể chối cãi được. Nhưng thưa ông, vì sao ông phải nói đến việc ấy?

– Vì tôi sắp phải nhốt ông và hai người bạn của ông vào phòng kín cho đến khi nào tôi xét thấy có thể trả tự do lại cho ông.

Tôi sững sờ nhìn ông ta, nói:

– Ông là chủ, ông có thể tùy ý làm gì cũng được. Song tôi xin phép hỏi ông một lời.

– Không. Không cần phải hỏi một lời nào cả.

Câu nói ấy làm cho tôi nín lặng và tuân lời, vì chống cãi là điều vô ích.

Tôi trở về phòng. Nễ Lang và Côn Sơn có mặt ở đó. Tôi kể lại cho hai người này nghe quyết định của thuyền trưởng Nam Mộ. Cả hai đều ngạc nhiên, chưa kịp nói lời nào thì bên ngoài đã có bốn người thủy thủ bước vào dẫn chúng tôi đến phòng kín, rồi đóng sầm cửa lại.

Nễ Lang phụng phịu cau có, còn Côn Sơn và tôi trầm lặng trong ý nghĩ miên man,

Mãi cho đến lúc Nễ Lang reo lên, chúng tôi như mới sức tỉnh lại:

– A kìa! Bữa cơm trưa đã dọn sẵn trên bàn rồi kia!

Thực vậy, bữa cơm đã dọn sẵn trên bàn từ bao giờ rồi. Tôi đoán chắc rằng thuyền trưởng Nam Mộ đã ra lệnh cho con tàu Nam Tị Lữ tiếp tục cuộc hành trình.

Côn Sơn nói:

– Thưa ông, chúng ta làm sao có thể dùng bữa ăn này được, trong lúc chúng ta chưa biết số phận chúng ta sẽ ra thế nào?

– Đúng vậy! Côn Sơn ạ!

Nễ Lang nhìn mâm đồ ăn, rồi lắc đầu nói:

– Khổ thay! Người ta chỉ đen cho chúng ta món ăn dưới tàu mà thôi.

Côn Sơn nói:

– Thế cũng đã là tốt lắm rồi. Nếu người ta không cho chúng ta ăn thì cũng phải đành chịu thôi.

Lý lẽ ấy làm cho tham vọng của Nễ Lang tiêu tan tất cả.

Chúng tôi ngồi lại bàn ăn. Bữa ăn rất buồn bã, Chúng tôi không nói chuyện với nhau câu nào, Cũng như Côn Sơn, tôi ăn rất ít. Còn Nễ Lang, mặc dầu trong hoàn cảnh nào, anh ta cũng không để thừa một thức ăn nào cả.

Ăn xong, chúng tôi ngồi vào một xó. Anh đèn điện trên trần phòng nơi chiếc cầu bán nguyệt lại phát ra sáng chói.

Nễ Lang nằm xuống đệm ngủ thiếp đi. Kể đến Côn Sơn cũng vậy. Chỉ có tôi, tôi không thể nào ngủ vội được nên thao thức mãi. Bên ngoài có tiếng cánh cửa

trên mũi tàu đóng sầm lại, rồi con tàu hình như cử động. Tôi đoán biết con tàu đang tiến với một tốc độ khá nhanh, nhưng chẳng biết đi về đâu? Nổi trên mặt sóng hay lặn xuống đáy biển?

Tôi nằm mãi như thế chẳng biết đã bao lâu, và tôi ngủ thiếp đi lúc nào cũng không biết.

Jules Verne

vingt mille lieues sous les mers

illustré par Sébastien Pelon

